

Bản tin

THỊ TRƯỜNG SẢN PHẨM NÔNG NGHIỆP

BAN CHỈ ĐẠO BỘ CÔNG THƯƠNG
CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI

SỐ 01 NĂM 2021

KỶ 01 THÁNG 01 NĂM 2021

ĐƠN VỊ THỰC HIỆN:



Cục Công Thương địa phương



Trung tâm Thông tin
Công nghiệp và Thương mại

Giấy phép xuất bản:

Số 55/GP-XBBT

Cấp ngày 11/8/2020

Ý kiến phản hồi đề nghị liên hệ:

Trung tâm Thông tin

Công nghiệp và Thương mại

Địa chỉ:

Tầng 6 - 655 Phạm Văn Đồng,

Bắc Từ Liêm - Hà Nội

Tel: (024) 37152585

Fax: (024) 37152574

MỤC LỤC

- 2 **TỔNG QUAN**
- THÔNG TIN THỊ TRƯỜNG NỘI ĐỊA**
- 3 Thị trường nông, lâm, thủy sản trong kỳ từ ngày 01/01/2021 đến 18/01/2021
- 5 Chương trình OCOP góp phần quan trọng trong việc nâng tầm nông sản nội địa
- THÔNG TIN THỊ TRƯỜNG XUẤT KHẨU**
- 7 Kết quả đạt được năm 2020 là nền tảng quan trọng để xuất khẩu nông, lâm, thủy sản tăng tốc trong năm 2021
- 11 Xuất khẩu nông, lâm, thủy sản sang Trung Quốc dự báo tăng trưởng tốt trong năm 2021
- 15 Khai thác tốt cơ hội từ CPTPP để xuất khẩu nông, lâm, thủy sản sang thị trường Canada
- THÔNG TIN SẢN XUẤT - XÚC TIẾN THƯƠNG MẠI**
- 19 Bình Dương xây dựng thương hiệu nông sản để gia tăng giá trị
- 21 Đồng Nai: Tôn vinh 4 sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp khu vực
- 21 Doanh nghiệp Nigeria cần nhập khẩu thiết bị chế biến hạt điều
- THÔNG TIN CHÍNH SÁCH - ĐẦU TƯ**
- 22 Quy định mới về cửa khẩu nhập khẩu, xuất khẩu kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2021
- 22 Thủy sản nhập khẩu vào Anh được sử dụng chứng nhận khai thác của EU
- 23 Khuyến cáo doanh nghiệp xuất khẩu thực hiện nghiêm các quy định của Hàn Quốc về vệ sinh an toàn thực phẩm
- THỊ TRƯỜNG NÔNG SẢN THẾ GIỚI**
- 24 Giá nhiều mặt nông sản trên thị trường thế giới tiếp tục xu hướng tăng
- 25 Nga tăng nhập khẩu nhiều mặt hàng nông, lâm, thủy sản của Việt Nam
- 28 **TIN VẤN**

TỔNG QUAN

Trong nửa đầu tháng 1/2021, giá gạo tại thị trường trong nước tiếp tục có xu hướng tăng do nhu cầu thu mua đều đặn phục vụ hoạt động tiêu thụ cao điểm trong giai đoạn trước Tết Nguyên đán. Trong đó, tăng mạnh nhất là gạo thành phẩm xuất khẩu IR 504, với mức tăng 600 đ/kg so với cuối tháng 12/2020 lên 11.600 đ/kg. Trong khi đó, giá cá tra tại Đồng Tháp ổn định ở mức 21.000 đ/kg, không thay đổi so với hai tuần trước đó và cũng đã bằng với thời điểm đầu năm 2020. Năm 2021, ngành cá tra có cơ sở để phục hồi khi nhu cầu có thể tăng trưởng trở lại sau tác động mạnh của dịch Covid-19 trong năm 2020. Tuy nhiên, trong ngắn hạn ngành cá tra vẫn còn nhiều thách thức khi phải đối mặt với các rào cản thương mại về chống bán phá giá, thay đổi quy định nhập khẩu ở thị trường Trung Quốc và tình trạng thiếu vỏ container để vận chuyển.

Tổng kim ngạch xuất khẩu nhóm nông, lâm, thủy sản trong cả năm 2020 đạt 37,4 tỷ USD, tăng 3,6% so với năm 2019 và cao hơn so với mức ước tính đạt 37,1 tỷ USD trước đó, đánh dấu mức tăng trưởng cao gấp đôi so với mức tăng trưởng đạt khoảng 1,8% của năm 2019. Trong đó, ghi

nhận tốc độ tăng của 04 mặt hàng: gạo, sắn và sản phẩm từ sắn, cao su, gỗ và sản phẩm gỗ. Trong năm 2020, Mỹ là thị trường xuất khẩu nông, lâm, thủy sản lớn nhất của Việt Nam với kim ngạch đạt 10,4 tỷ USD, tăng tới 23,1% so với năm 2019, cao hơn rất nhiều so với mức tăng trưởng gần 14% trong năm 2019.

Những kết quả đã đạt được trong xuất khẩu nông, lâm, thủy sản trong năm 2020 sẽ là nền tảng quan trọng, tạo đà bứt phá cho hoạt động xuất khẩu của nhóm hàng này trong năm 2021, nhất là trong bối cảnh Hiệp định CPTPP và EVFTA đang trong giai đoạn triển khai mạnh mẽ, UKVFTA chính thức có hiệu lực từ đầu năm 2021 và RCEP bước vào tiến trình phê chuẩn để sớm đưa vào thực thi.



MỘT SỐ THÔNG TIN ĐÁNG CHÚ Ý:

- ▶ Từ ngày 01/01/2021, theo quy định của Thông tư số 09/2020/TT-BCT, hàng hóa kinh doanh tạm nhập tái xuất, kinh doanh chuyển khẩu, nếu nhập khẩu vào hoặc tái xuất ra khỏi Việt Nam qua biên giới đất liền thì việc nhập khẩu hoặc tái xuất đó chỉ được thực hiện qua các cửa khẩu quốc tế, cửa khẩu chính (cửa khẩu song phương).
- ▶ Anh sẽ tiếp tục duy trì quy định về chấm dứt hoạt động khai thác bất hợp pháp, không khai báo và không theo quy định (IUU) và chương trình chứng nhận khai thác của Liên minh châu Âu (EU) từ ngày 01/01/2021.
- ▶ Trong những tháng cuối năm 2020, dịch Covid-19 đã được Việt Nam và Trung Quốc kiểm soát tốt, các hoạt động giao thương, thông quan hàng hóa xuất nhập khẩu qua các cửa khẩu biên giới giữa Việt Nam và Trung Quốc đã từng bước bình thường trở lại. Tính riêng tháng 12/2020, kim ngạch xuất khẩu nông, lâm, thủy sản của Việt Nam sang thị trường Trung Quốc đã tăng lên mức cao nhất trong nhiều năm qua với 863,67 triệu USD. Tuy nhiên, do ảnh hưởng của dịch Covid-19 nên tổng kim ngạch xuất khẩu nhóm hàng nông, lâm, thủy sản của Việt Nam sang thị trường Trung Quốc trong năm 2020 giảm 2,4% so với năm 2019, đạt 8,06 tỷ USD.

THỊ TRƯỜNG NÔNG, LÂM, THỦY SẢN TRONG KỲ TỪ NGÀY 01/01 ĐẾN 18/01/2021

Trong kỳ từ ngày 01/01 đến 18/01/2021, giá các mặt hàng nông, lâm, thủy sản tiếp tục biến động trái chiều so với cuối tháng 12/2020. Tình trạng giá thuê tàu biển và container liên tục tăng cao trong hơn 3 tháng trở lại đây đã gây ảnh hưởng lớn tới xuất khẩu các mặt hàng nông, lâm, thủy sản của Việt Nam. Nhiều doanh nghiệp phải dời kế hoạch xuất khẩu cho đơn hàng cũ và không nhận đơn hàng mới. Theo các Hiệp hội ngành hàng như thủy sản, cà phê, gạo... giá thuê container đã tăng gấp 10 lần so với thời điểm trước tháng 10/2020 do thiếu vỏ container rỗng.

+ Mặt hàng gạo: Tại khu vực Đồng bằng sông Cửu Long, giá lúa OM 0577, OM 9582 tại An Giang ổn định ở mức 7.000 đ/kg; OM 6976 đạt 7.000 đ/kg; IR 504 ở mức 6.900 đ/kg; lúa Jasmine giá 7.000 đồng/kg; Đai thơm 8 đạt 7.300 đ/kg, tăng 100 đ/kg so với cuối tháng 12/2020; OM 5451 đạt 6.900 đ/kg, giảm 100 đ/kg; OM 9577 và OM 9582 giảm 100 đ/kg xuống còn 6.900 đ/kg; nếp khô giá 7.700 đ/kg.

Trong khi đó, giá gạo tiếp tục tăng cao. Cụ thể, gạo nguyên liệu IR 504 ở mức 10.100 đ/kg, tăng 400 đ/kg so với cuối tháng 12/2020; gạo nguyên liệu OM 5451 cũng tăng 400 đ/kg lên mức 10.400 đ/kg; gạo OM 18 tăng 300 đ/kg lên mức 10.400 đ/kg; tăng mạnh nhất là gạo thành phẩm xuất khẩu IR 504, với mức tăng 600 đ/kg lên mức 11.600 đ/kg.

Nguồn cung thấp trong khi giá ở mức cao khiến các thương lái và nhà máy thu mua cầm chừng. Hiện tại, thời vụ sản xuất lúa vẫn diễn biến theo đúng kế hoạch, trong tháng 1/2021 dự kiến sẽ thu hoạch được 1,2 triệu tấn thóc của vụ Đông Xuân sớm.

Trên thị trường thế giới, giá chào bán gạo 5% tấm của Việt Nam tăng 5 USD/tấn so với cuối tháng 12/2020, dao động ở mức 500 - 505 USD/tấn. Nhìn chung xuất

khẩu gạo của Việt Nam năm 2021 đang duy trì tín hiệu lạc quan cả về sản lượng và giá bán. Hiện nay, các thị trường xuất khẩu chính của Việt Nam như Philippin, châu Phi... tiếp tục ký hợp đồng mua gạo của Việt Nam và giá gạo đang ở mức cao so với mặt bằng chung trong nhiều năm qua.

+ Mặt hàng cà phê: Trong phiên giao dịch ngày 18/01/2021, giá cà phê nhân xô tại các tỉnh Tây Nguyên giảm 7,2% (tương ứng 2.500 đ/kg) so với cuối tháng 12/2020, đạt 32.000 đ/kg. Hiện cà phê vụ mới của Việt Nam mới đưa ra thị trường khoảng 1/3 sản lượng và khó khăn về cước tàu biển đang khiến xuất khẩu chậm lại. Các nhà giao dịch dự báo người trồng cà phê sẽ đẩy mạnh bán ra trong những tuần tới khi kỳ nghỉ Tết Nguyên đán năm 2021 đang đến gần.

+ Mặt hàng hạt tiêu: Giá hạt tiêu nhân xô tại các tỉnh Tây Nguyên tiếp tục giảm 1.000 đ/kg trong kỳ từ ngày 01/01 đến 18/01/2021, xuống còn 53.000 đ/kg. Trước đây, hạt tiêu của Việt Nam được các nhà hàng, khách sạn ở châu Âu tiêu thụ rất nhiều. Tuy nhiên, phân khúc này đang bị ảnh hưởng mạnh do châu Âu đang đối mặt với làn sóng Covid-19 mới. Bên cạnh đó, thời điểm giáp Tết Nguyên đán cũng là lúc Việt Nam bước vào vụ thu hoạch nên giá xuất khẩu hạt tiêu đang có chiều hướng giảm.

+ Mặt hàng hạt điều: Giá điều nhân đang có xu hướng tăng do lượng cung điều nhân ở Việt Nam không còn nhiều trong khi giá mua điều thô vẫn đang ở mức cao. Điều này khiến các nhà chế biến rất thận trọng trong việc nhập khẩu điều thô. Tính đến ngày 18/01/2021, giá nhân điều xuất khẩu W240 và W320 tăng 2.000 - 3.000 đ/kg so với cuối tháng 12/2020, dao động từ 30.000 - 33.000 đ/kg.

+ Mặt hàng thủy sản: Tính đến ngày 18/01/2021, giá cá tra tại Đồng Tháp ổn định ở mức 21.000 đ/kg. Năm 2021, ngành cá tra có cơ sở để phục hồi khi nhu cầu có thể tăng trưởng trở lại sau tác động mạnh của dịch Covid-19 trong năm 2020. Nhưng trong ngắn hạn ngành cá tra vẫn còn nhiều thách thức khi phải đối mặt với các rào cản thương mại về chống bán phá giá, thay đổi quy định nhập khẩu ở thị trường Trung Quốc và tình trạng thiếu vỏ container để vận chuyển.

+ Mặt hàng cao su: Giá thu mua cao su tại thị trường trong nước tiếp tục biến

động trái chiều trong kỳ từ ngày 01/01 đến 18/01/2021. Theo đó, giá thu mua mủ cao su của Tổng Công ty Cao su Đồng Nai giảm 1.100 – 1.200 đ/kg so với cuối tháng 12/2020, đạt 36.300 đ/kg đối với mủ nước tại vườn và 7.600 – 11.400 đ/kg với các loại mủ cao chén và mủ đông. Trong khi đó, giá thu mua cao su của Công ty TNHH MTV Cao su Lộc Ninh tăng 200 đ/kg, dao động ở mức 8.100 – 11.700 đ/kg. Cây cao su đang bước vào cuối vụ thu hoạch, trong khi nhu cầu tại Trung Quốc vẫn ở mức cao sẽ là những yếu tố chính hỗ trợ thị trường cao su trong ngắn hạn.

Tham khảo giá nông, lâm, thủy sản tại thị trường trong nước ngày 18/01/2021

Tên hàng	Ngày 18/1/2021 (đ/kg)	So với ngày 28/12/2020 (%)	So với đầu năm 2020 (%)
Gạo NL IR 504	10.100	4,1	53,0
Gạo thành phẩm IR 504	11.400	3,6	52,0
Tấm gạo IR 504	10.100	1,0	57,8
Cám vàng	7.150	5,1	49,0
Cà phê nhân xô tại Tây Nguyên	32.000	-7,2	-0,3
Giá nhân điều xô tại Bình Phước	32.000	0,0	-13,5
Điều W240	30.000	7,1	-88,2
Điều W 320	33.000	10,0	-86,6
Tiêu đen Tây Nguyên và Nam Bộ	53.000	-1,9	26,2
Cá tra thịt trắng loại 1 tại Đồng Tháp	21.000	0,0	0,0
Tôm càng xanh tại Đồng Tháp (15 - 25con/kg)	220.000	10,0	-4,3
Cá ngừ vằn tại Đà Nẵng	50.000	0,0	-28,6
Mực ống tại Đà Nẵng (17 - 24 cm/con)	140.000	40,0	0,0
Tôm sú tại Đà Nẵng (25 - 30 con/kg)	240.000	9,1	-25,0
Tôm chân trắng tại Đà Nẵng (60 con/kg)	120.000	0,0	0,0
Giá cao su dạng nước tại Bình Phước (đ/độ TSC)	320	-1,5	
Giá cao su dạng thô tại Bình Phước	12.000	0,0	
Giá thu mua cao su của Tổng Công ty Cao su Đồng Nai			
Loại 1 (đ/độ TSC)	336	5,7	12,0
Loại 2 (đ/độ TSC)	329	5,8	10,8
Mủ nước tại vườn	36.300	-3,2	12,0
Mủ chén dây khô	11.400	-8,8	-8,8
Mủ chén dây vừa	10.400	-9,6	-9,6
Mủ đông khô	9.200	-10,7	-10,7
Mủ đông vừa	7.600	-12,6	-12,6
Mủ dây khô	10.800	-9,2	-9,2
Giá thu mua cao su của Công ty TNHH MTV Cao su Lộc Ninh			
Mủ cao su nước tại vườn (đ/độ TSC)	325	1,6	13,2
Mủ cao su nước tại nhà máy (đ/độ TSC)	330	1,5	13,0
Mủ chén, dây khô	11.700	1,7	-4,9
Mủ đông khô	10.600	1,9	-4,5
Mủ đông ướt	8.600	2,4	-4,4

Nguồn: Trung tâm Thông tin Công nghiệp và Thương mại tổng hợp

CHƯƠNG TRÌNH OCOP GÓP PHẦN QUAN TRỌNG TRONG VIỆC NÂNG TẦM NÔNG SẢN NỘI ĐỊA



Sau gần 2 năm triển khai, Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) giai đoạn 2018 – 2020 đã đạt được những kết quả bước đầu rất quan trọng, tạo nên động lực mới trong xây dựng nông thôn mới, trong phát triển kinh tế nông thôn, được hệ thống chính trị các cấp và xã hội đồng tình ủng hộ và tích cực tham gia. Đến hết năm 2020, cả 63 tỉnh, thành phố trong cả nước đã phê duyệt đề án, kế hoạch OCOP cấp tỉnh. Số lượng địa phương tham gia, số lượng, chất lượng sản phẩm OCOP liên tục tăng. Đáng chú ý là trong số 1.400 chủ thể có sản phẩm được công nhận OCOP, có đến 38% số chủ thể là hợp tác xã. Trong đó, các địa phương đánh giá, phân hạng và công nhận 3.200 sản phẩm, vượt 800 sản phẩm so kế hoạch đề ra, tập trung vào ba nhóm chủ yếu: thực phẩm; nhóm đồ uống và nhóm lưu niệm nội thất và trang trí, còn lại là các sản phẩm khác. Hội đồng OCOP cấp quốc gia đang tổ chức đánh giá, xem xét xếp hạng 43 sản phẩm 5 sao.

Chương trình OCOP được triển khai rộng khắp tại các địa phương

Quảng Ninh là địa phương triển khai Chương trình OCOP từ năm 2013, từ 48 sản phẩm ban đầu, đến hết năm 2020 toàn tỉnh đã có 236 sản phẩm đạt từ 3 đến 5 sao. Hiện tỉnh có 175 đơn vị kinh tế tham gia Chương trình OCOP, tăng gấp gần bốn lần so với năm 2014, với hơn 85% số sản phẩm OCOP được dán tem truy xuất nguồn gốc, cho thấy Chương trình OCOP

là hướng đi đúng đắn, là giải pháp quan trọng phù hợp với khu vực nông thôn.

Triển khai sau Quảng Ninh 5 năm, tỉnh Bắc Kạn được xem là địa phương thực hiện khá thành công chương trình OCOP. Theo số liệu từ Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Bắc Kạn, hiện toàn tỉnh có 107 sản phẩm OCOP, bao gồm 99 sản phẩm đạt 3 sao và 8 sản phẩm đạt 4 sao. Trong đó, phải kể đến các sản phẩm chế biến sâu như: Trịnăng Gừng, Trịnăng Curcumin, Vicumax - Nano curcumin và 15 sản phẩm tham gia Chương trình OCOP sản xuất theo chuỗi giá trị. Ngoài ra tỉnh cũng có 56 sản phẩm được đăng bán trên sàn giao dịch điện tử Shopee, Lazada, Sendo, Tiki, Voso; 9 sản phẩm được ký kết tiêu thụ với trung tâm thương mại Big C - Hà Nội...

Tại các tỉnh, thành phố khác, chương trình OCOP cũng được triển khai rộng khắp và thu được những kết quả khá tích cực.

Tại Hà Nội, trong giai đoạn triển khai chương trình OCOP từ năm 2018 đến đầu tháng 12/2020, Hà Nội đã công nhận 630 sản phẩm OCOP. Trong đó, có 14 sản phẩm tiềm năng đạt 5 sao; 421 sản phẩm 4 sao; 195 sản phẩm 3 sao. Riêng trong tháng 12/2020, thành phố đã đẩy nhanh tiến độ đánh giá phân hạng khoảng trên 370 sản phẩm và ước tính đến hết năm 2020 có trên 1.000 sản phẩm OCOP được đánh giá, phân hạng.

Tại Quảng Nam, tính đến cuối năm 2020 toàn tỉnh có 210 sản phẩm các loại thuộc nhiều nhóm ngành hàng của 189 chủ thể được công nhận đạt chuẩn OCOP cấp tỉnh. Trong đó, có 1 sản phẩm tiềm năng đạt 5 sao, 23 sản phẩm 4 sao, 186 sản phẩm 3 sao.

Tại Cần Thơ, chương trình OCOP được triển khai từ năm 2018. Sau 2 năm thực hiện, TP Cần Thơ có 3 quận, huyện có sản phẩm OCOP là Thốt Nốt, Ninh Kiều và Cờ

Đồ với 19 sản phẩm; gồm 5 sản phẩm đạt 4 sao và 14 sản phẩm 3 sao, với chất lượng tốt, có bao bì, nhãn hiệu để người tiêu dùng nhận diện.

Tại Bình Thuận, trong giai đoạn 2018-2020, tỉnh đã phân hạng cho 56 sản phẩm của 38 chủ thể đạt tiêu chuẩn OCOP cấp tỉnh từ 3 sao trở lên, trong đó có 30 sản phẩm 3 sao và 26 sản phẩm 4 sao.

Công tác thông tin, quảng bá, xúc tiến tiêu thụ sản phẩm được đẩy mạnh

Bên cạnh việc công nhận, xếp hạng sản phẩm của chương trình OCOP, các bộ, ngành, địa phương cũng đẩy mạnh việc kết nối giao thương, tiêu thụ các sản phẩm OCOP tại thành phố và các tỉnh, thành phố trong cả nước. Ngoài ra, công tác thông tin, quảng bá, xúc tiến thương mại sản phẩm OCOP cũng được nhiều địa phương triển khai kịp thời, thường xuyên. Nhiều địa phương đã đưa vào hoạt động các điểm giới thiệu, quảng bá và bán sản phẩm OCOP, đồng thời tổ chức các sự kiện giới thiệu, quảng bá sản phẩm OCOP gắn với văn hóa vùng miền..., góp phần giúp các chủ thể OCOP tìm kiếm thị trường tiêu thụ sản phẩm, giới thiệu sản phẩm OCOP đến người tiêu dùng, tạo cơ hội cho sản phẩm được tiêu thụ rộng rãi tại thị trường nội địa cũng như mở rộng cơ hội xuất khẩu sản phẩm, góp phần quan trọng trong việc đẩy mạnh doanh thu tiêu thụ các sản phẩm OCOP.

Tại tỉnh Quảng Ninh, doanh số bán hàng OCOP của các tổ chức kinh tế, cơ sở sản xuất hằng năm đạt 500 - 700 tỷ đồng, gia tăng giá trị sản phẩm hơn

30% và tăng về quy mô sản xuất hơn 18%. Chương trình OCOP đã tạo việc làm cho hơn 4.500 lao động trực tiếp và hàng chục nghìn lao động gián tiếp, góp phần nâng mức thu nhập của người dân khu vực nông thôn lên 47 triệu đồng/người/năm, gấp hơn bốn lần so với năm 2010.

Tại tỉnh Bắc Kạn, theo kết quả thống kê về doanh thu của các chủ thể tham gia chương trình từ Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh, hiện đã có 73% tổ chức tăng doanh thu từ 1,1 - 1,5 lần; 10% tăng doanh thu từ 1,5 - 2 lần; và có 10% tăng doanh thu hơn hai lần.

Riêng trong năm 2020, mặc dù chịu tác động tiêu cực bởi đại dịch Covid-19 nhưng tại các địa phương, nhiều sản phẩm đạt chứng nhận của Chương trình OCOP vẫn có doanh thu cao hơn từ 1,3 - 1,5 lần so với sản phẩm cùng dòng khác.

Với những kết quả đã đạt được, có thể nói Chương trình OCOP đã góp phần giúp nâng tầm nông sản nội địa và quan trọng nhất là thay đổi tư duy sản xuất của người nông dân. Từ chỗ sản xuất nhỏ lẻ sang phát triển các sản phẩm truyền thống theo hướng chuyên sâu, hình thành các vùng sản xuất nông sản sạch, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao gắn với chuỗi giá trị. Từ đó, tạo động lực để các địa phương đẩy nhanh quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế tại nông thôn, nâng cao giá trị sản xuất trên hầu hết diện tích đất nông nghiệp tại các tỉnh.

Trong năm 2021, chương trình OCOP dự kiến tiếp tục chuẩn hóa khoảng 4.000 sản phẩm theo bộ tiêu chí sản phẩm OCOP, tăng 800 sản phẩm so với năm 2020. Đây được xem là một lợi thế để các tỉnh và thành phố đẩy nhanh tốc độ phát triển kinh tế địa phương, từng bước đưa nông sản Việt Nam vươn tầm thế giới, góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế tại khu vực nông thôn, đồng thời là giải pháp quan trọng để thực hiện tiêu chí về sản xuất, thu nhập, giảm tỷ lệ hộ nghèo trong xây dựng nông thôn mới.



THÔNG TIN THỊ TRƯỜNG XUẤT KHẨU

KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC NĂM 2020 LÀ NỀN TẢNG QUAN TRỌNG ĐỂ XUẤT KHẨU NÔNG, LÂM, THỦY SẢN TĂNG TỐC TRONG NĂM 2021



Theo số liệu thống kê của Tổng cục Hải quan, xuất khẩu 10 mặt hàng chủ lực thuộc nhóm nông, lâm, thủy sản (bao gồm thủy sản, rau quả, hạt tiêu, hạt điều, chè, gạo, cà phê, sắn và các sản phẩm từ sắn, cao su, gỗ và sản phẩm gỗ) trong tháng 12/2020 nhìn chung khả quan hơn so với dự kiến, góp phần đưa tổng kim ngạch xuất khẩu nhóm hàng này trong cả năm 2020 lên 37,4 tỷ USD, cao hơn so với mức ước tính đạt 37,1 tỷ USD trước đó, tăng 3,6% so với năm 2019 và chiếm 13,2% tỷ trọng trên tổng kim ngạch xuất khẩu hàng hóa của cả nước, thấp hơn so với mức tỷ trọng chiếm 13,7% trong năm 2019.

Trong bối cảnh dịch bệnh Covid-19 ảnh hưởng nặng nề tới thị trường hàng hóa toàn cầu, khiến nhiều quốc gia phải đóng cửa biên giới và nhu cầu tiêu dùng

sụt giảm mạnh, trong khi các rào cản thương mại từ những thị trường nhập khẩu không ngừng gia tăng, thì việc xuất khẩu nông, lâm, thủy sản năm 2020 vẫn đạt được tốc độ tăng trưởng cao gấp đôi so với mức tăng trưởng khoảng 1,8% của năm 2019 là kết quả rất tích cực. Trong đó, ghi nhận tốc độ tăng của 04 mặt hàng: Gạo (tăng 11,2% về kim ngạch lên 3,12 tỷ USD); cao su (tăng 3,6% lên 2,38 tỷ USD); sắn và sản phẩm từ sắn (tăng 4,7% lên 1,01 tỷ USD); gỗ và sản phẩm gỗ (tăng 16,2% lên 12,37 tỷ USD). Đối với các mặt hàng còn lại, mặc dù kim ngạch xuất khẩu giảm so với năm 2019 theo xu hướng tiêu dùng chung của thị trường thế giới, nhưng các doanh nghiệp ngành hàng đã rất nỗ lực trong việc tìm kiếm, mở rộng thị trường tiêu thụ mới, cố gắng nâng cao chất lượng, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của các thị trường.

Đáng chú ý, xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ năm 2020 đã đạt kim ngạch 12,37 tỷ USD, vượt xa mức kỷ lục 10,65 tỷ USD của năm 2019. Đây là thành công lớn của ngành gỗ trong bối cảnh Covid-19 đã từng khiến nhiều đối tác hủy đơn và giãn đơn hàng xuất khẩu trong những tháng đầu năm 2020, trong khi các doanh nghiệp còn phải đối mặt với việc giá gỗ nguyên liệu tăng mạnh do thiếu công nhân khai thác và chi phí dịch vụ logistics ở mức cao do nhiều chuỗi cung ứng toàn cầu bị đứt gãy.

Có rất nhiều yếu tố hỗ trợ khiến hoạt động xuất khẩu nông, lâm, thủy sản duy trì được kết quả tốt trong năm 2020, nhưng quan trọng hàng đầu chính là dịch Covid-19 đã được Việt Nam kiểm soát tốt, khiến hoạt động sản xuất, nuôi trồng, chế biến nhìn chung vẫn duy trì được bình thường trong phần lớn thời gian trong năm 2020, góp phần bù đắp được vào chỗ trống do nguồn cung nhiều nước sụt giảm trước sự gián đoạn sản xuất bởi dịch bệnh. Bên cạnh đó, sự nhanh nhạy, nắm bắt tình hình khá tốt và những nỗ lực vượt khó, chuyển hướng kịp thời để thích ứng với tình hình mới của các cơ quan quản

lý và các doanh nghiệp, cộng với những động lực đến từ các FTA là những yếu tố quan trọng thúc đẩy đà tăng trưởng xuất khẩu của nhóm nông, lâm, thủy sản.



Những kết quả đã đạt được trong xuất khẩu nông, lâm, thủy sản sau 1 năm đầy khó khăn, thách thức sẽ là nền tảng quan trọng, tạo đà bứt phá cho hoạt động xuất khẩu của nhóm hàng này trong năm 2021, nhất là trong bối cảnh Hiệp định CPTPP và EVFTA đang trong giai đoạn triển khai mạnh mẽ, UKVFTA chính thức có hiệu lực từ đầu năm 2021 và RCEP bước vào tiến trình phê chuẩn để sớm đưa vào thực thi.

Tình hình xuất khẩu nhóm nông, lâm, thủy sản trong năm 2020

Đơn vị tính: Lượng: nghìn tấn; Kim ngạch: Triệu USD

Mặt hàng chủ yếu	Năm 2020		So với năm 2019 (%)		Tỷ trọng (%)	
	Lượng	Kim ngạch	Lượng	Kim ngạch	Năm 2020	Năm 2019
Tổng kim ngạch xuất khẩu		282.655		6,96	100	100
Nhóm nông, lâm, thủy sản		37.400		3,57	13,23	13,66
Thủy sản		8.413		-1,51	2,98	3,23
Rau quả		3.269		-12,71	1,16	1,42
Hạt điều	515	3.211	13,00	-2,35	1,14	1,24
Cà phê	1.565	2.741	-5,57	-4,24	0,97	1,08
Chè	135	218	-1,75	-7,82	0,08	0,09
Hạt tiêu	285	661	0,35	-7,50	0,23	0,27
Gạo	6.249	3.120	-1,91	11,18	1,10	1,06
Sắn và các sản phẩm từ sắn	2.808	1.012	10,87	4,71	0,36	0,37
- Sắn	650	142	62,18	78,46	0,05	0,03
Cao su	1.750	2.384	2,88	3,63	0,84	0,87
Gỗ và sản phẩm gỗ	0	12.372		16,15	4,38	4,03
- Sản phẩm gỗ	0	9.535		22,45	3,37	2,95

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Trong năm 2020, trước những khó khăn do dịch Covid-19 và đặc biệt Mỹ là quốc gia chịu thiệt hại lớn nhất về kinh tế do dịch bệnh, hoạt động xuất khẩu nông, lâm, thủy sản của Việt Nam sang thị trường Mỹ vẫn ghi nhận mức tăng trưởng cao, tăng 23,1% so với năm 2019 lên 10,4 tỷ USD, cao hơn so với mức tăng trưởng gần 14% trong năm 2019, chiếm 27,9% tỷ trọng trên tổng kim ngạch xuất khẩu nông, lâm, thủy sản của Việt Nam, tăng so với mức tỷ trọng chiếm 23,4% trong năm 2019. Với kết quả này, Mỹ tiếp tục là thị trường xuất khẩu nông, lâm, thủy sản lớn nhất của nước ta, vượt xa so với các thị trường đứng sau.

Trong đó, nổi bật nhất là xuất khẩu mặt hàng gỗ và sản phẩm gỗ sang Mỹ với mức tăng trưởng lên tới 33,7% so với năm trước, đạt 7,17 tỷ USD, chiếm 68,8% trên tổng kim ngạch xuất khẩu nông, lâm, thủy sản sang Mỹ và chiếm tới 57,9% tỷ trọng trên tổng kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ của cả nước. Nguyên nhân cho sự bứt phá nói trên là nhờ giai đoạn Mỹ nới lỏng lệnh giãn cách xã hội, nhu cầu tiêu dùng đồ gỗ nội thất tăng lên khi người dân ở nhà nhiều hơn cộng với căng thẳng thương mại Mỹ - Trung Quốc khiến nhiều nhà nhập khẩu Mỹ chuyển từ mua đồ gỗ Trung Quốc sang mua đồ gỗ Việt Nam. Ngoài ra, xuất khẩu nhiều mặt hàng nông sản khác sang Mỹ cũng đạt mức tăng trưởng khả quan cho dù quy mô xuất khẩu còn tương đối hạn chế. Tiêu biểu như kim ngạch xuất khẩu gạo sang Mỹ đạt mức tăng 17% lên 13,94 triệu USD hay xuất khẩu rau quả tăng 12,5% lên 168,82 triệu USD.

Xuất khẩu nông, lâm, thủy sản sang thị trường Trung Quốc trong năm 2020 giảm 2,4% so với năm 2019 xuống 8,06 tỷ USD, đánh dấu năm thứ 2 liên tiếp xuất khẩu nhóm hàng này sang Trung Quốc suy giảm. Trong đó, chứng kiến sự giảm sút xuất khẩu của các mặt hàng chủ lực như thủy sản (giảm 4,8%), hạt điều (giảm

13,8%) và đáng chú ý nhất là rau quả với mức giảm lên tới 25,7%, chỉ đạt 1,48 tỷ USD. Bên cạnh nguyên nhân do dịch bệnh, xuất khẩu sang Trung Quốc năm vừa qua cũng tiếp tục chịu tác động trước những quy định siết chặt hàng nông sản nhập khẩu mà Trung Quốc áp dụng từ giữa năm 2019, đặc biệt là những vướng mắc về đăng ký vùng trồng, quản lý cơ sở đóng gói, kiểm tra kiểm soát và truy xuất nguồn gốc trong hàng nông sản xuất khẩu của Việt Nam.

Xuất khẩu nông, lâm, thủy sản sang khối thị trường EU27 trong năm 2020 đạt 3,39 tỷ USD, giảm 5,4% so với năm 2019 do tác động của dịch bệnh. Tuy nhiên, kể từ sau khi Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam – EU (EVFTA) có hiệu lực từ ngày 1/8/2020, xuất khẩu nông, lâm, thủy sản sang thị trường này nhìn chung đã có xu hướng cải thiện, thể hiện qua tốc độ tăng trưởng của một số mặt hàng nông sản vào EU tăng tốc nhanh rõ rệt trong giai đoạn sau khi Hiệp định có hiệu lực. Ví dụ như mặt hàng rau quả, trong 5 tháng sau khi Hiệp định EVFTA có hiệu lực (từ tháng 8 đến tháng 12/2020), kim ngạch xuất khẩu rau quả của Việt Nam sang EU đạt 63,83 triệu USD, tăng 12,5% so với cùng kỳ năm trước; trong khi 7 tháng đầu năm kim ngạch xuất khẩu rau quả sang EU chỉ đạt 82,8 triệu USD, tăng 0,25% so với cùng kỳ năm 2019. Tuy nhiên, tốc độ cải thiện của các mặt hàng đã bị “chững lại” đáng kể từ giữa quý IV/2020 – giai đoạn dịch bệnh tái bùng phát mạnh mẽ trên toàn khối EU, khiến hàng loạt quốc gia buộc phải áp đặt các biện pháp phong tỏa, làm suy giảm cầu tiêu dùng và khiến kinh tế EU có nguy cơ suy thoái trở lại.

Ngoài ra, kim ngạch xuất khẩu nông, lâm, thủy sản sang các thị trường lớn khác như Nhật Bản, Anh hay Ấn Độ cũng sụt giảm so với năm 2019. Ở chiều ngược lại, xuất khẩu sang các thị trường khác như Hàn Quốc, Canada, Australia, Philippin... vẫn ghi nhận đà tăng trưởng.

Thị trường xuất khẩu nông, lâm, thủy sản trong năm 2020

Thị trường	Năm 2020 (nghìn USD)	So với năm 2019 (%)	Tỷ trọng (%)	
			Năm 2020	Năm 2019
Tổng	37.399.662	3,57	100	100
Mỹ	10.414.788	23,09	27,85	23,43
Trung Quốc	8.058.243	-2,45	21,55	22,88
EU	3.390.724	-5,43	9,07	9,93
Đức	862.617	-4,20	2,31	2,49
Hà Lan	826.256	5,38	2,21	2,17
Italia	406.975	-7,38	1,09	1,22
Bỉ	323.257	-0,82	0,86	0,90
Pháp	316.981	-16,04	0,85	1,05
Tây Ban Nha	304.710	-21,71	0,81	1,08
Ba Lan	106.595	16,46	0,29	0,25
Đan Mạch	79.610	3,53	0,21	0,21
Bồ Đào Nha	58.961	-23,70	0,16	0,21
Thụy Điển	40.866	-12,33	0,11	0,13
Hy Lạp	36.142	-9,70	0,10	0,11
Rumani	13.986	6,48	0,04	0,04
Phần Lan	6.785	-17,14	0,02	0,02
Cộng Hoà Séc	5.799	-33,57	0,02	0,02
Hungary	1.185	-81,89	0,00	0,02
Nhật Bản	3.103.290	-0,24	8,30	8,61
Hàn Quốc	1.894.159	0,64	5,06	5,21
Philippin	1.296.629	6,87	3,47	3,36
Anh	745.397	-8,03	1,99	2,24
Canada	636.206	10,67	1,70	1,59
Australia	634.132	11,85	1,70	1,57
Thái Lan	585.143	3,34	1,56	1,57
Malaysia	559.703	-0,69	1,50	1,56
Nga	422.204	1,48	1,13	1,15
Đài Loan	416.104	4,64	1,11	1,10
Hồng Kông	310.398	-5,44	0,83	0,91
Gana	282.293	32,75	0,75	0,59
Ấn Độ	213.263	-42,24	0,57	1,02
Singapore	213.200	-3,28	0,57	0,61
Bờ Biển Ngà	207.519	-17,86	0,55	0,70
UAE	191.933	5,29	0,51	0,50
Pakistan	136.127	-5,85	0,36	0,40
Ixraen	121.948	-10,81	0,33	0,38
Indonesia	117.207	13,38	0,31	0,29
Ả Rập Xê út	115.140	8,15	0,31	0,29
Ai Cập	101.611	1,37	0,27	0,28
Angiêri	99.044	-23,52	0,26	0,36
Mexico	83.306	-43,33	0,22	0,41
Irắc	79.184	-56,72	0,21	0,51
Campuchia	78.943	23,07	0,21	0,18
Lào	69.844	-47,97	0,19	0,37
Braxin	63.337	-19,35	0,17	0,22
Ukraina	61.569	9,00	0,16	0,16
New Zealand	60.976	-9,12	0,16	0,19
Thổ Nhĩ Kỳ	55.697	-15,31	0,15	0,18

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

XUẤT KHẨU NÔNG, LÂM, THỦY SẢN SANG TRUNG QUỐC DỰ BÁO TĂNG TRƯỞNG TỐT TRONG NĂM 2021

Trung Quốc hiện đang là thị trường xuất khẩu nông, lâm, thủy sản quan trọng của Việt Nam. Trong năm 2020, Trung Quốc đứng đầu về thị trường xuất khẩu rau quả, cao su, sắn và các sản phẩm từ sắn của Việt Nam, đứng thứ hai về thị trường tiêu thụ gạo và đứng thứ 3 về tiêu thụ thủy sản... Tuy nhiên, do ảnh hưởng của dịch Covid-19 nên tổng kim ngạch xuất khẩu nhóm hàng nông, lâm, thủy sản của Việt Nam sang thị trường Trung Quốc trong năm 2020 giảm 2,4% so với năm 2019, đạt 8,06 tỷ USD. Trong đó, kim ngạch xuất khẩu rau quả - mặt hàng xuất khẩu lớn nhất sang thị trường Trung Quốc giảm 25,7% so với năm 2019, đạt 1,84 tỷ

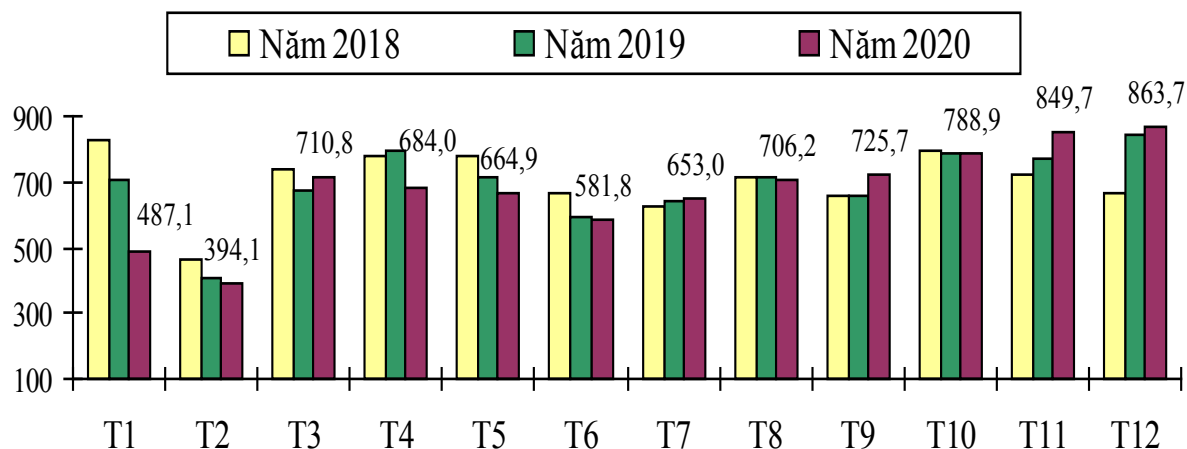
USD. Nguyên nhân khiến xuất khẩu rau quả sang thị trường Trung Quốc giảm là do nhu cầu tiêu thụ tại thị trường này giảm mạnh trước tác động của dịch Covid-19. Đồng thời, xuất khẩu rau quả sang thị trường Trung Quốc cũng gặp khó khăn trước các chính sách quản lý hoạt động biên mậu của Trung Quốc thay đổi liên tục theo hướng thắt chặt kiểm dịch và an toàn thực phẩm, truy xuất nguồn gốc cùng nhiều yêu cầu chi tiết về cơ sở đóng gói, nhãn mác...

Kim ngạch xuất khẩu thủy sản của Việt Nam sang thị trường Trung Quốc cũng giảm 4,8% so với năm 2019, đạt 1,18 tỷ USD; cà phê giảm 5,7%; chè giảm 52%.

Kim ngạch xuất khẩu một số mặt hàng khác của Việt Nam sang thị trường Trung Quốc vẫn ghi nhận mức tăng trưởng khả quan bất chấp tác động của đại dịch Covid-19 như: Cao su tăng 18,1% về kim ngạch so với năm 2019; gỗ và sản phẩm gỗ tăng 3,2%, sắn và các sản phẩm từ sắn tăng 6,2%, gạo tăng 92,6%. Riêng hạt điều tăng 2,8% về lượng nhưng kim ngạch xuất khẩu giảm 13,8% so với năm 2019.



Kim ngạch xuất khẩu nông, thủy sản của Việt Nam tới thị trường Trung Quốc năm 2018-2020 (ĐVT: triệu USD)



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Xuất khẩu các mặt hàng nông, lâm, thủy sản của Việt Nam sang thị trường Trung Quốc trong tháng 12 và năm 2020

(ĐVT: Lượng: nghìn tấn; Kim ngạch: nghìn USD)

Tên hàng	Tháng 12/2020		So với tháng 11/2020 (%)		So với tháng 12/2019 (%)		Năm 2020		So với năm 2019 (%)	
	Lượng	Trị giá	Lượng	Trị giá	Lượng	Trị giá	Lượng	Trị giá	Lượng	Trị giá
Tổng kim ngạch		863.666		1,6		1,8		8.058.243		-2,4
Hàng rau quả		147.083		2,9		-24,5		1.839.855		-25,7
Cao su	176.691	275.691	1,1	3,6	20,1	35,8	1.362.708	1.830.215	17,3	18,1
Gỗ và sản phẩm gỗ		119.213		30,8		-0,2		1.199.652		3,2
Hàng thủy sản		77.204		-32,8		-39,9		1.178.189		-4,8
Sắn và các sản phẩm từ sắn	371.046	136.956	41,7	38,0	24,1	33,3	2.586.846	928.826	12,9	6,2
Hạt điều	9.049	59.964	-15,2	-17,9	-3,4	-16,2	79.176	510.737	2,8	-13,8
Gạo	58.531	31.360	-38,2	-39,8	138,1	109,1	810.838	463.031	70,0	92,6
Cà phê	6.062	14.845	79,2	58,0	30,4	24,5	40.122	95.681	-3,5	-5,7
Chè	961	1.349	95,7	58,2	-8,2	8,7	8.221	12.057	-12,6	-52,0

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

Thời gian qua, Bộ Công Thương cùng với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã cùng các địa phương chủ động, kịp thời đưa ra các giải pháp tháo gỡ khó khăn; đàm phán, thống nhất với các cơ quan chức năng và địa phương Trung Quốc đưa ra các biện pháp nhằm đẩy nhanh thông quan hàng hóa xuất nhập khẩu tại cửa khẩu, trong khi vẫn đảm bảo thực hiện tốt các biện pháp phòng, chống dịch Covid-19 nghiêm ngặt.

Hiện nay, dịch Covid-19 đã được Việt Nam và Trung Quốc kiểm soát tốt, các hoạt động giao thương, thông quan hàng hóa xuất nhập khẩu qua các cửa khẩu biên giới giữa Việt Nam và Trung Quốc trong 6 tháng cuối năm 2020 đã từng bước bình thường trở lại. Tính riêng tháng 12/2020, kim ngạch xuất khẩu nông, lâm, thủy sản của Việt Nam sang thị trường Trung Quốc đã tăng lên mức cao nhất trong nhiều năm qua với 863,67 triệu USD, tăng 1,6% so với tháng 11/2020 và tăng 1,8% so với tháng 12/2019. Trong đó, những mặt hàng có kim ngạch tăng cao so với tháng 12/2019 như: Gạo tăng 109,1%, cao su tăng 35,8%, sắn và các sản phẩm từ sắn tăng 33,3%, cà phê tăng 24,5%. Tuy nhiên, xuất khẩu một số mặt hàng khác vẫn cho thấy sự khó khăn như: Rau quả giảm 24,5%, thủy sản giảm 39,9%...

Ngày 15/11/2020, Việt Nam và Trung Quốc và một số nước đối tác đã cùng tham gia ký kết Hiệp định Đối tác kinh tế toàn diện khu vực (RCEP), tạo thêm cơ hội mới cho hàng hóa và các doanh nghiệp Việt Nam mở rộng hoạt động giao thương với thị trường này trong thời gian tới.

Trong bối cảnh các nước khác trong khu vực Đông Nam Á vẫn đang phải đối mặt với nhiều khó khăn trước sự lây lan của dịch Covid-19, việc kiểm soát tốt dịch bệnh cũng là yếu tố quan trọng mang lại lợi thế cho hàng hóa của Việt Nam xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc.

Với sự nỗ lực đẩy mạnh xuất khẩu của các cơ quan ban ngành và cộng đồng doanh nghiệp cùng sự phục hồi trong nhu cầu của thị trường Trung Quốc sau đại dịch Covid-19, xuất khẩu nông, lâm, thủy sản của Việt Nam sang thị trường này được dự báo sẽ tăng trưởng tốt trong năm 2021.

Hàng rau quả:

Trung Quốc nhập khẩu hàng rau quả của Việt Nam nhằm phục vụ nhu cầu tiêu dùng nội địa và chế biến xuất khẩu, nhưng năm 2020 các thị trường xuất khẩu hàng rau quả chế biến của Trung Quốc gặp khó khăn do đại dịch Covid-19, điều này

cũng ảnh hưởng đến nhu cầu nhập khẩu của Trung Quốc. Bên cạnh đó, việc Trung Quốc thay đổi chính sách nhập khẩu, chuyển sang chính ngạch và yêu cầu khắt khe hơn đối với hàng nông sản cũng tác động tiêu cực đến hoạt động xuất khẩu hàng rau quả của Việt Nam sang thị trường này. Trong đó, dưa hấu là một trong những mặt hàng chịu ảnh hưởng nhiều nhất bởi các chính sách này. Đối với mặt hàng thanh long, diện tích trồng thanh long của Trung Quốc có xu hướng tăng mạnh trong những năm gần đây đã ảnh hưởng đến hoạt động xuất khẩu mặt hàng thanh long của Việt Nam.

Trong năm 2020, nhu cầu nhập khẩu rau quả của Trung Quốc cũng có sự thay đổi với việc giảm nhập khẩu đối với các loại trái cây tươi và tăng nhập khẩu các sản phẩm chế biến từ rau quả. Cụ thể, kim ngạch nhập khẩu nhóm trái cây tươi của Trung Quốc từ

Việt Nam trong năm 2020 đã giảm 26,2% so với năm 2019, đạt 1,6 tỷ USD; Ngược lại, kim ngạch nhập khẩu các sản phẩm chế biến tăng 4,2% lên 199,04 triệu USD.

Xuất khẩu hàng rau quả của Việt Nam sang thị trường Trung Quốc năm 2021 được kỳ vọng khả quan hơn năm 2020 khi Trung Quốc và Việt Nam đều kiểm soát tốt dịch Covid-19, qua đó tạo điều kiện thuận lợi cho các hoạt động giao thương.



Một số mặt hàng rau quả và sản phẩm chế biến từ rau quả xuất khẩu của Việt Nam sang thị trường Trung Quốc trong năm 2020

Chủng loại	Năm 2020 (nghìn USD)	So với năm 2019 (%)
Trái cây	1.597.740	-26,2
Thanh long	1.032.939	-9,7
Xoài	153.124	-4,6
Chuối	135.725	-12,4
Mít	132.677	54,8
Dưa hấu	35.082	-38,2
Vải	30.471	-23,1
Dừa	28.227	-22,3
Nhãn	20.110	-84,6
Sầu riêng	11.456	-93,0
Cau	4.167	73,1
Chôm chôm	3.692	-74,8
Thảo quả	3.321	-0,5
Hạt dẻ cười	2.798	310,8
Mãng cụt	1.926	-98,8
Sản phẩm chế biến	199.039	4,2
Xoài	25.523	1,6
Ốt	25.041	70,6
Hạnh nhân	24.896	-20,8
Trái cây	24.538	47,1
Hạt dẻ cười	24.389	-8,0
Chanh leo	18.930	-40,6
Mít	15.433	102,6
Dừa	5.943	99,3

Chủng loại	Năm 2020 (nghìn USD)	So với năm 2019 (%)
Hạt điều	4.432	27,0
Nước lạt tiên	4.224	133,4
Thạch	2.437	-11,9
Chuối	2.315	299,2
Thanh long	2.187	145,0
Bưởi	2.186	571,4
Dứa chuột	1.780	139,4
Tắc	1.359	17,1
Nhãn	1.087	-54,3
Rau củ	44.810	-50,9
Khoai lang	18.342	792,3
Ớt	14.350	-39,3
Đỗ xanh	3.843	1.297,4
Đỗ đỏ	2.741	259,1
Nấm hương	2.120	-95,0

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan



Cao su:

Nhu cầu tiêu thụ cao su từ thị trường Trung Quốc duy trì ở mức cao trong nửa cuối năm 2020 do sự phục hồi mạnh mẽ của ngành công nghiệp ô tô nước này. Theo số liệu của Hiệp hội ô tô Trung Quốc, doanh số của ngành ô tô Trung Quốc trong tháng 12/2020 ước tính đạt 2,802 triệu xe, tăng 5,4% so với tháng 12/2019 và đánh dấu 9 tháng tăng trưởng liên tiếp. Sau khi kiểm soát được sự lây lan của dịch Covid-19, các nhà máy ô tô tại Trung Quốc đã nhanh chóng khôi phục lại sản xuất. Đặc biệt, Chính phủ nước này đã

thúc đẩy các dự án cơ sở hạ tầng, khiến nhu cầu về xe tải tăng lên. Lũy kế trong cả năm 2020, doanh số ô tô của Trung Quốc ước tính đạt 25,272 triệu chiếc, giảm 1,9% so với năm 2019. Mặc dù giảm nhẹ so với năm 2019 nhưng ngành công nghiệp ô tô Trung Quốc vẫn khả quan hơn mong đợi trong bối cảnh dịch Covid-19 tác động tiêu cực đến ngành này.

Hiệp hội ô tô Trung Quốc dự báo doanh số bán ô tô của Trung Quốc sẽ tăng trưởng lần đầu tiên sau 4 năm vào năm 2021, với triển vọng đạt khoảng 26,3 triệu xe bán ra, trong đó xe chở khách dự báo đạt 21,7 triệu xe và xe thương mại là 4,6 triệu xe.

Theo số liệu thống kê của Cơ quan Hải quan Trung Quốc, trong 11 tháng năm 2020, nhập khẩu cao su (mã HS 4001, 4002, 4003, 4005) của Trung Quốc đạt 9,76 tỷ USD, tăng 4,5% so với 11 tháng năm 2019. Trong đó, Việt Nam là thị trường cung cấp cao su lớn thứ 2 cho Trung Quốc sau Thái Lan với kim ngạch đạt 1,51 tỷ USD, tăng 14,9% so với 11 tháng năm 2019. Thị phần cao su Việt Nam trong tổng trị giá nhập khẩu của Trung Quốc trong 11 tháng năm 2020 chiếm 15,52%, tăng so với mức 14,11% của 11 tháng năm 2019.



Trước những diễn biến tích cực về nhu cầu tiêu thụ cao su của Trung Quốc, xuất khẩu cao su của Việt Nam sang thị trường này dự báo sẽ tiếp tục tăng trong năm 2021. Trong đó, xuất khẩu tập trung

chủ yếu vào mặt hàng hỗn hợp cao su tự nhiên và cao su tổng hợp bởi đây là mặt hàng được các doanh nghiệp Trung Quốc tăng cường nhập khẩu trong những năm qua.

Chủng loại cao su xuất khẩu của Việt Nam sang thị trường Trung Quốc trong năm 2020

Chủng loại	Năm 2020		So với năm 2019 (%)		Tỷ trọng theo lượng (%)	
	Lượng (tấn)	Trị giá (nghìn USD)	Lượng	Trị giá	Năm 2020	Năm 2019
Hỗn hợp cao su tự nhiên và cao su tổng hợp (HS: 400280)	1.135.424	1.555.370	23,7	24,7	83,3	79,0
Latex	132.870	138.946	52,6	67,3	9,8	7,5
SVR 10	33.980	46.166	-49,5	-50,3	2,5	5,8
SVR 3L	19.775	29.905	-56,5	-54,2	1,5	3,9
RSS3	18.715	28.436	-5,4	0,0	1,4	1,7
SVR CV60	10.147	15.864	8,6	10,9	0,7	0,8
Cao su tái sinh	5.000	4.067	18,2	64,5	0,4	0,4
SVR 20	2.565	3.319	38,3	31,2	0,2	0,2
Cao su hỗn hợp (HS: 4005)	2.449	5.101	-74,3	-67,5	0,2	0,8
SVR 5	1.320	2.034	-31,1	-31,3	0,1	0,2
Cao su tổng hợp	503	803	322,6	300,5	0,0	0,0
CSR 10	101	142			0,0	0,0
RSS1	94	134	-61,0	-63,7	0,0	0,0
SVR CV50	68	107	58,8	61,3	0,0	0,0
Tổng	1.362.708	1.830.215	17,3	18,1	100,0	100,0

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

KHAI THÁC TỐT CƠ HỘI TỪ CPTPP ĐỂ XUẤT KHẨU NÔNG, LÂM, THỦY SẢN SANG THỊ TRƯỜNG CANADA



Bất chấp dịch Covid-19 diễn biến phức tạp, nhưng xuất khẩu nông, lâm, thủy sản của Việt Nam tới thị trường Canada vẫn tăng trưởng hai con số trong năm 2020, đây là kết quả của việc tận dụng tốt lợi thế từ Hiệp định CPTPP. Số liệu của Tổng cục Hải quan cho thấy, kim ngạch xuất khẩu nhóm hàng nông, lâm, thủy sản của Việt Nam sang thị trường Canada trong năm 2020 đạt 636,21 triệu USD, tăng 10,7% so với năm 2019, Canada là một trong số ít thị trường xuất khẩu của Việt Nam ghi nhận đà tăng trưởng tích cực trong năm 2020.

Trong đó, thủy sản là mặt hàng xuất khẩu lớn nhất của Việt Nam sang thị trường Canada với kim ngạch đạt 263,85 triệu USD, tăng 14,9% so với năm 2019. Bên cạnh đó, kim ngạch xuất khẩu nhiều mặt hàng khác cũng đạt mức tăng trưởng khá cao so với năm 2019 như: Gỗ và sản phẩm gỗ tăng 14,1%, rau quả tăng 14,7%, cà phê tăng 18,6%, hạt tiêu tăng 6,7%. Riêng xuất khẩu hạt điều của Việt Nam sang thị trường Canada tăng 8,3% về lượng nhưng kim ngạch lại giảm 4,9%.

Trong số các nước đối tác tham gia Hiệp định CPTPP, Canada là một trong những nước có mức cam kết mở cửa thị trường cao nhất, với hàng nghìn dòng thuế đối với hàng hóa nhập khẩu giảm xuống 0%, với mức cắt giảm thuế lên tới 95% số dòng thuế, bao gồm 78% tổng kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam sang Canada. Với hiệp định CPTPP, 100% kim ngạch xuất khẩu thủy sản của Việt Nam được hưởng thuế suất 0%; đồ gỗ nội thất giảm từ 9,5% xuống 0%, trừ ghế gỗ dùng trong nhà thuế giảm dần về 0% sau 6 năm; chè, hạt tiêu, hạt điều đều hưởng thuế suất 0%...

Với những yếu tố thuận lợi về thuế quan, xuất khẩu nông, lâm, thủy sản của Việt Nam sang thị trường Canada được dự báo sẽ tiếp tục tăng trưởng cao trong năm 2021.

Việc đẩy mạnh xuất khẩu sang thị trường Canada cũng mở ra cơ hội để nông, lâm, thủy sản của Việt Nam tiếp cận các thị trường khác bởi Canada là cửa ngõ của thị trường toàn cầu nhờ khả năng tiếp cận thị trường thông qua 14 Hiệp định thương mại với 51 quốc gia và gần 1,5 tỷ người tiêu dùng, tổng GDP là 49.3000 tỷ USD.

Xuất khẩu các mặt hàng nông, lâm, thủy sản của Việt Nam sang thị trường Canada trong năm 2020

Tên hàng	Năm 2020		Năm 2019		Năm 2020 so với năm 2019 (%)	
	Lượng (tấn)	Trị giá (nghìn USD)	Lượng (tấn)	Trị giá (nghìn USD)	Lượng	Trị giá
Tổng kim ngạch		636.206		574.850		10,7
Hàng thủy sản		263.853		229.627		14,9
Gỗ và sản phẩm gỗ		219.805		192.584		14,1
Hạt điều	13.878	93.279	12.816	98.080	8,3	-4,9
Hàng rau quả		29.716		25.901		14,7
Cà phê	6.384	12.845	5.952	10.830	7,3	18,6
Hạt tiêu	3.246	9.135	2.983	8.561	8,8	6,7
Cao su	4.864	7.573	6.291	9.267	-22,7	-18,3

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

Hàng thủy sản:

Thủy sản đang là mặt hàng xuất khẩu có thế mạnh của Việt Nam tại thị trường Canada, nhiều chủng loại đã chiếm thị phần cao như tôm, cá tra, basa, cá ngừ.... Trong đó, xuất khẩu tôm của Việt Nam sang thị trường Canada trong năm 2020 đạt 187,35 triệu USD, tăng 23,8% so với năm 2019 và chiếm 71,3% tổng kim ngạch xuất khẩu thủy sản của Việt Nam sang thị trường này. Đồng thời Việt Nam cũng là nước xuất khẩu tôm nhiều nhất vào thị trường Canada. Ngoài ra, kim ngạch xuất khẩu nhiều loại thủy sản khác sang thị trường Canada cũng tăng mạnh trong năm 2020 như: Cá ngừ tăng 31,8%, cá đông lạnh tăng 13,2%, mực các loại tăng 98,3%, Surimi tăng 108,1%, cá khô tăng 33,5%...

Ngược lại, kim ngạch xuất khẩu cá tra, basa của Việt Nam sang thị trường

Canada giảm 28,6% so với năm 2019, ghe giảm 15,6%, bạch tuộc giảm 36,1%...

Canada có xu hướng tăng tiêu thụ tôm nước ấm của các nước Đông Nam Á trong bối cảnh nguồn cung tôm nước lạnh sụt giảm. Tôm chiếm 50% trong tổng nhập khẩu thủy sản của Canada và xu hướng mua tôm về chế biến tại nhà của các hộ gia đình tại Canada có xu hướng tăng, nhất là trong thời điểm dịch Covid-19 bùng phát tại Canada. Canada nhập khẩu khoảng hơn 50.000 tấn tôm mỗi năm và người tiêu dùng Canada phần lớn ưa chuộng tôm đông lạnh vì tính tiện dụng cao. Theo một cuộc khảo sát được tiến hành bởi Statista, những mặt hàng thủy sản được tiêu thụ nhiều nhất đối với người tiêu dùng Canada bao gồm tôm, sò điệp, cua, tôm hùm, vẹm, bạch tuộc và mực, hàu và nghêu.

Xuất khẩu một số mặt hàng thủy sản của Việt Nam sang thị trường Canada trong năm 2020

Chủng loại	Năm 2020 (nghìn USD)	So với năm 2019 (%)
Tôm các loại	187.345	23,8
Cá tra, basa	30.278	-28,6
Cá ngừ các loại	28.255	31,8
Cá đông lạnh	9.831	13,2
Ghe các loại	1.673	-15,6
Mực các loại	1.593	98,3
Surimi	630	108,1

Chủng loại	Năm 2020 (nghìn USD)	So với năm 2019 (%)
Cá khô	600	33,5
Cá đóng hộp	590	41,3
Mắm	369	37,6
Bạch tuộc các loại	329	-36,1
Nghêu các loại	213	-34,4
Bong bóng cá	207	98,1
Ốc các loại	191	102,1

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

Hàng rau quả:

Nhập khẩu trái cây tươi của Canada liên tục tăng trong thời gian qua. Nhu cầu của người tiêu dùng Canada ngày càng tăng đối với các sản phẩm nhập khẩu, chủ yếu là trái cây và rau quả như chuối, chanh, dưa hấu, dưa... do khí hậu của Canada không sản xuất được những loại rau quả này. Về rau, Canada là quốc gia sản xuất rau sạch lớn trên thế giới, nhưng nước này cũng nhập khẩu nhiều chủng loại rau đang có nhu cầu cao như khoai tây và rau diếp, cà chua, hành, ớt...

Trong năm 2020, kim ngạch xuất khẩu các sản phẩm trái cây tươi của Việt Nam sang thị trường Canada đạt 13,22 triệu USD, tăng 12,5% so với năm 2019. Trong đó, kim ngạch xuất khẩu bưởi và sầu riêng của Việt Nam sang thị trường Canada tăng mạnh 318,3% và 136,4% so với năm 2019. Tương tự, kim ngạch xuất khẩu trái các sản phẩm chế biến và rau củ tươi của Việt Nam sang thị trường Canada cũng tăng lần lượt là 22,8% và 55,2% trong năm 2020.

Một số mặt hàng rau quả và sản phẩm chế biến từ rau quả xuất khẩu của Việt Nam sang thị trường Canada trong năm 2020

Chủng loại	Năm 2020 (nghìn USD)	So với năm 2019 (%)
Trái cây	13.223	12,5
Thanh long	6.253	0,9
Bưởi	1.518	318,3
Sầu riêng	1.289	136,4
Dưa	1.150	-32,7
Xoài	912	-1,7
Nhãn	486	10,1
Dưa hấu	300	203,3
Mít	230	18,8
Ổi	226	31,1
Sản phẩm chế biến	12.394	22,8
Trái cây	2.894	65,6
loại khác	1.471	6,7
Dưa	1.014	31,4
Chanh leo	852	56,8
Hành nhân	814	11,3
Thanh long	508	187,6
Dưa hấu	485	543,1
Hạt dẻ cười	360	34,7
Rau củ	2.515	55,2
Ớt	869	12,4
Ngô	665	118,5
Khoai mỡ	206	666,4
Khoai lang	102	276,7

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

BÌNH DƯƠNG XÂY DỰNG THƯƠNG HIỆU NÔNG SẢN ĐỂ GIA TĂNG GIÁ TRỊ



Trong thời gian qua, ngành nông nghiệp tỉnh Bình Dương đã đạt nhiều thành quả đáng khích lệ, đặc biệt là quy mô phát triển và sản lượng của vườn cây ăn quả, nông sản theo quy trình công nghệ cao. Thông qua thực hiện hàng loạt các giải pháp đồng bộ, Bình Dương mong muốn tìm được thị trường tiêu thụ ổn định làm cơ sở để thúc đẩy sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp theo hướng bền vững, hướng đến một nền nông nghiệp sạch, cung cấp nông sản an toàn cho tiêu dùng trong nước và xuất khẩu.

Việc tìm đầu ra và nâng cao giá trị các mặt hàng nông sản, đặc biệt là trái cây đặc sản, hướng đến xuất khẩu luôn là mục tiêu quan trọng của tỉnh để thúc đẩy lĩnh vực nông nghiệp phát triển. Do đó, tỉnh quan tâm đầu tư, tạo điều kiện tốt nhất cho lĩnh vực này phát triển. Xác định rõ mục tiêu phát triển ngành Nông nghiệp trong tương lai, Bình Dương đã và đang thực hiện hàng loạt giải pháp nhằm đẩy mạnh kết nối cung cầu trong chuỗi liên kết nông sản, tạo ra bước tiến mới cho thị trường nông sản và trái cây tại Bình Dương.

Hiện nay, toàn tỉnh có trên 6.700 ha cây ăn quả, sản lượng ước đạt trên 33.000 tấn. Bên cạnh lợi thế về điều kiện tự nhiên, tác động tích cực từ chính sách phát

triển nông nghiệp của tỉnh Bình Dương đã khuyến khích, hỗ trợ, giúp người nông dân phát triển vùng cây ăn quả. Theo quy hoạch phát triển sản xuất nông nghiệp ở tỉnh Bình Dương, đến năm 2025 diện tích trồng trồng ứng dụng công nghệ cao là 30% (tương ứng 50.000 ha) và chăn nuôi ứng dụng công nghệ cao là 30% số trang trại. UBND tỉnh Bình Dương cũng đặt ra một số mục tiêu trọng tâm phát triển kinh tế địa phương đến năm 2025, trong đó chú trọng xây dựng các mô hình hợp tác xã liên doanh, liên kết...

Theo đó, xây dựng nền nông nghiệp phát triển với mục tiêu coi trọng chất lượng và hiệu quả, thân thiện với môi trường, gắn sản lượng nông sản với công nghiệp chế biến và kết nối chặt chẽ với thị trường; xây dựng các vùng sản xuất tập trung với các cây trồng vật nuôi là hàng hóa chủ lực của tỉnh; trên cơ sở sử dụng tối ưu các nguồn tài nguyên, đưa nhanh tiến bộ kỹ thuật và công nghệ mới vào sản xuất. Những kết quả đạt được thời gian qua trong sản xuất nông nghiệp an toàn gắn liền với xây dựng thương hiệu nông sản là tiền đề quan trọng để hình thành các mối liên kết sản xuất – tiêu thụ bền vững trong thời gian tới; Từ đó sẽ tạo bước đi vững chắc cho sản phẩm nông nghiệp của Bình Dương trong quá trình hội nhập.



Tỉnh Bình Dương đã chỉ đạo Sở Công Thương phối hợp với các sở, ngành liên quan đẩy mạnh kết nối đưa sản phẩm nông sản của tỉnh vào hệ thống sản xuất, chế biến, kinh doanh của các doanh nghiệp trong và ngoài nước. Sở Công Thương, ngành nông nghiệp tỉnh Bình Dương tiếp tục phối hợp với các sở, ngành xây dựng chương trình xúc tiến thương mại, hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã, nông dân tham gia các chương trình kích cầu, kết nối giữa nhà sản xuất, nhà phân phối để tạo đầu ra ổn định cho nông sản, trái cây sản xuất trong tỉnh.

Áp dụng công nghệ cao vào sản xuất:

Gần 10 năm qua, Bình Dương đã triển khai chuyển dịch cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng hiện đại hóa gắn với công nghiệp chế biến. Nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, hiện là thế mạnh trong sản xuất nông nghiệp của tỉnh.

Theo đó, trong giai đoạn 2017-2020, tỉnh đã thực hiện cơ cấu lại ngành trồng trọt theo hướng phát triển các mô hình nông nghiệp đô thị, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; phát triển các vùng chuyên canh cây cao su, cây ăn quả đặc sản, rau an toàn, gắn với chế biến và tiêu thụ theo chuỗi giá trị ở các huyện phía Bắc; đẩy mạnh ứng dụng các giống năng suất và chất lượng cao, chống chịu sâu bệnh cho các đối tượng cây trồng chủ lực như: Cao su, hồ tiêu, cam, quýt, bưởi da xanh, bưởi đường lá cam, măng cụt, rau, hoa,...

Đến năm 2020, tổng diện tích sản xuất nông nghiệp đô thị của tỉnh đạt trên 150 ha (tăng 15% so với năm 2016); tổng diện tích ứng dụng công nghệ cao đạt 5.345,3 ha (tăng gấp 03 lần so với năm 2016) với các loại cây trồng có giá trị như: Rau, nấm, cây ăn trái, hoa lan, cây cảnh,...

Việc ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất các loại cây trồng có giá trị như dưa lưới, cây có múi, chuối được các tổ chức, cá nhân đầu tư thâm canh, thiết kế hệ thống tưới phun tự động, nhỏ giọt,

trồng cây theo phương pháp thủy canh, áp dụng quy trình sản xuất theo tiêu chuẩn VietGAP, GlobalGAP nhằm đem lại năng suất, chất lượng sản phẩm cao nhất.

Tính tới nay, toàn tỉnh có 75 cơ sở sản xuất được cấp chứng nhận sản xuất theo quy trình VietGAP trong lĩnh vực trồng trọt với tổng diện tích khoảng 469 ha. Qua đó, giá trị bình quân sản xuất nông nghiệp đạt trên 95 triệu đồng/ha/năm; một số mô hình trồng bưởi ứng dụng công nghệ cao có thu nhập bình quân trên 01 tỷ đồng/ha.

Bên cạnh hiện đại hóa quy trình trồng trọt, lĩnh vực chăn nuôi cũng có bước chuyển dịch mạnh mẽ từ chăn nuôi nhỏ lẻ, phân tán sang phát triển chăn nuôi tập trung theo mô hình trang trại ứng dụng công nghệ cao, liên kết theo chuỗi, đảm bảo an toàn thực phẩm và vệ sinh môi trường.

Chăn nuôi ứng dụng công nghệ cao sản xuất ổn định với 142 trang trại đầu tư chăn nuôi gà giống, gà đẻ trứng và gà thịt với tổng đàn gần 8,3 triệu con; chăn nuôi heo thịt, heo giống chất lượng cao có 154 trang trại với tổng đàn 517 ngàn con; chăn nuôi vịt thịt có 15 trại với số lượng 205 ngàn con; chăn nuôi bò sữa có 02 trang trại với quy mô đang nuôi 819 con. Nhiều công ty, trang trại và hộ gia đình đầu tư, ứng dụng công nghệ hiện đại, dây chuyền sản xuất tiên tiến đạt tiêu chuẩn châu Âu vào sản xuất chăn nuôi như: Máng ăn, máng uống tự động, công nghệ sau thu hoạch, con giống năng suất cao, hệ thống chuồng lồng, chuồng sàn, hệ thống làm mát và sưởi ấm... đem lại hiệu quả kinh tế cao.

Thời gian qua, việc ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất hoa quả đã được nhiều tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh áp dụng rộng rãi. Tính tới nay, toàn tỉnh có 95 trang trại, cơ sở sản xuất nông nghiệp chứng nhận VietGap; đã được chứng nhận đạt tiêu chuẩn GlobalGap với quy mô diện tích 60 ha trồng chuối. Cùng với đó, Công ty TNHH Đức Tiến (huyện Bắc Tân Uyên) và Công ty Vinamit Việt Nam tại Bình Dương (huyện Phú Giáo) đạt chứng nhận sản xuất nông nghiệp hữu cơ.

ĐỒNG NAI: TÔN VINH 4 SẢN PHẨM CÔNG NGHIỆP NÔNG THÔN TIÊU BIỂU CẤP KHU VỰC

Ngày 08/01/2021, Sở Công thương Đồng Nai tổ chức lễ tôn vinh sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp khu vực; sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu và thợ giỏi tỉnh Đồng Nai năm 2020.

Kết quả, qua công tác bình chọn, toàn tỉnh Đồng Nai có 4 sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp khu vực gồm:

- Nha đam của Công ty TNHH thực phẩm G.C (xã Hố Nai 3, huyện Trảng Bom);

- Bột ca cao nguyên chất của Công ty TNHH ca cao Trọng Đức (xã Phú Hòa, huyện Định Quán);



- Bột sen dinh dưỡng của HTX nông nghiệp dịch vụ Trường Phát (xã Long Tân, huyện Nhơn Trạch);

- Sản phẩm cao su kỹ thuật dùng cho công nghiệp ô tô, xe máy của Công ty TNHH Tương Lai (xã Lộc An, huyện Long Thành).

Năm 2020, toàn tỉnh Đồng Nai có 8 địa phương đăng ký 19 sản phẩm, trong đó có 6 sản phẩm thủ công mỹ nghệ, 11 sản phẩm thuộc nhóm sản phẩm chế biến nông, lâm, thủy sản và 2 sản phẩm thuộc nhóm sản phẩm khác.

Hội đồng Ban giám khảo cũng đã khảo sát thực tế tại các cơ sở nông nghiệp, nông thôn đăng ký tham gia, xem xét quy trình sản xuất sản phẩm và các hồ sơ có liên quan để làm cơ sở cho việc bình chọn. Kết quả, 15 sản phẩm được công nhận sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp tỉnh.

Ngoài ra, toàn tỉnh Đồng Nai có 72 cá nhân được phong tặng danh hiệu thợ giỏi năm 2020 hoạt động trong các ngành nghề mộc gia dụng, gỗ mỹ nghệ, may công nghiệp, đan lát, cơ khí, yếm tằm và chế biến thực phẩm...

GIAO THƯƠNG:

DOANH NGHIỆP NIGERIA CẦN NHẬP KHẨU THIẾT BỊ CHẾ BIẾN HẠT ĐIỀU

Thương vụ Việt Nam tại Nigeria giới thiệu công ty "Nutslink Investment Ltd", có nhu cầu nhập khẩu thiết bị chế biến hạt điều.

Các doanh nghiệp trong nước có khả năng cung cấp, liên hệ theo địa chỉ:

1. Tên công ty: Nutslink Investment Ltd

2. Địa chỉ: No. 5 Iwo Road, Ile-Igbon/Iyana-Offa, Ibadan, Oyo State, Nigeria

3. Người liên hệ: Mike Shaibu - Chief Financial Advisor

4. Email: mykelsspecial@yahoo.com

5. WhatsApp: +2348032122649

6. Sản phẩm cần nhập khẩu: Dây chuyền sản xuất hạt điều trắng với công suất 10 tấn/ngày.

QUY ĐỊNH MỚI VỀ CỬA KHẨU NHẬP KHẨU, XUẤT KHẨU KỂ TỪ NGÀY 01 THÁNG 01 NĂM 2021

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2021, theo quy định của Thông tư số 09/2020/TT-BCT, hàng hóa kinh doanh tạm nhập tái xuất, kinh doanh chuyển khẩu, nếu nhập khẩu vào hoặc tái xuất ra khỏi Việt Nam qua biên giới đất liền thì việc nhập khẩu hoặc tái xuất đó chỉ được thực hiện qua các cửa khẩu quốc tế, cửa khẩu chính (cửa khẩu song phương).

Ngày 14 tháng 5 năm 2020, Bộ Công Thương đã ban hành Thông tư số 09/2020/TT-BCT quy định lộ trình áp dụng cửa khẩu nhập khẩu, xuất khẩu, đối với hàng hóa kinh doanh tạm nhập tái xuất, kinh doanh chuyển khẩu, gửi kho ngoại quan.

Quy định về cửa khẩu nhập khẩu, xuất khẩu tại Thông tư số 09/2020/TT-BCT nêu trên được áp dụng kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 như sau:

(i) Hàng hóa kinh doanh tạm nhập tái xuất, kinh doanh chuyển khẩu, nếu nhập khẩu vào hoặc tái xuất ra khỏi Việt Nam qua biên giới đất liền thì việc nhập khẩu hoặc tái xuất đó chỉ được thực hiện qua các cửa khẩu quốc tế, cửa khẩu chính (cửa khẩu song phương) được mở theo quy định tại Nghị định số 112/2014/NĐ-CP ngày 21

tháng 11 năm 2014 của Chính phủ quy định về quản lý cửa khẩu biên giới đất liền.

(ii) Quy định tại mục (i) được áp dụng cho cả hàng hóa nước ngoài tạm nhập tái xuất gửi kho ngoại quan nếu hàng hóa đó được nhập khẩu vào hoặc tái xuất ra khỏi Việt Nam qua biên giới đất liền.

Để phối hợp triển khai thực hiện Thông tư số 09/2020/TT-BCT nêu trên, Cục Xuất nhập khẩu - Bộ Công Thương đề nghị:

- Các doanh nghiệp có hoạt động kinh doanh tạm nhập tái xuất, kinh doanh chuyển khẩu, gửi kho ngoại quan chấp hành, thực hiện nghiêm các quy định tại Thông tư số 09/2020/TT-BCT và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

- Sở Công Thương 25 tỉnh/thành phố biên giới: Thông tin, hướng dẫn các doanh nghiệp thực hiện kinh doanh nhập khẩu hoặc tái xuất qua địa bàn nghiêm túc triển khai thực hiện Thông tư số 09/2020/TT-BCT; Phối hợp chặt chẽ với các cơ quan chức năng trên địa bàn để tăng cường quản lý, kịp thời báo cáo và kiến nghị các biện pháp xử lý tới Bộ Công Thương, Ủy ban nhân dân tỉnh khi có khó khăn, vướng mắc để cùng phối hợp xử lý.

THỦY SẢN NHẬP KHẨU VÀO ANH ĐƯỢC SỬ DỤNG CHỨNG NHẬN KHAI THÁC CỦA EU

Đại sứ quán Liên hiệp Vương quốc Anh và Bắc Ireland tại Việt Nam đã có công hàm gửi Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam thông báo về việc Anh sẽ tiếp tục duy trì quy định về chấm dứt hoạt động khai thác bất hợp pháp, không khai báo và không theo quy định (IUU) và chương trình chứng nhận khai thác của Liên minh châu Âu (EU) từ ngày 1/1/2021. Anh sẽ tiếp tục công nhận các chứng nhận thủy sản khai thác của EU được cung cấp theo chương trình này.

Đại sứ quán Vương quốc Liên hiệp Anh và Bắc Ireland tại Việt Nam cho biết, Nghị

định thư Bắc Ireland về rút khỏi EU của Vương quốc Anh cho phép hàng hóa được tự do di chuyển giữa Bắc Ireland và EU như hiện nay. Điều này có nghĩa rằng các sản phẩm thủy sản đang lưu hành tự do ở EU được nhập khẩu vào Bắc Ireland và ngược lại mà không cần bất cứ giấy tờ nào về IUU.

Tuy nhiên, các sản phẩm thủy sản nhập khẩu vào EU hoặc Bắc Ireland từ nơi khác, bao gồm cả Anh, sẽ tiếp tục phải tuân thủ theo các quy định về IUU và sẽ tiếp tục yêu cầu giấy chứng nhận thủy sản khai thác riêng như trước đây.

KHUYẾN CÁO DOANH NGHIỆP XUẤT KHẨU THỰC HIỆN NGHIÊM CẤP QUY ĐỊNH CỦA HÀN QUỐC VỀ VỆ SINH AN TOÀN THỰC PHẨM

Theo báo cáo Xu hướng thực phẩm nhập khẩu năm 2019 và năm 2020 của Bộ An toàn Thực phẩm và Dược phẩm Hàn Quốc (MFDS), số vụ vi phạm quy định vệ sinh an toàn thực phẩm đối với các lô hàng thực phẩm chế biến nhập khẩu từ Việt Nam sang Hàn Quốc có xu hướng giảm. Cụ thể năm 2019 phát hiện 117 vụ, đến năm 2020 (đến ngày 21/12/2020) xuống còn 37 vụ.

Số vụ vi phạm có xu hướng giảm phần nào cho thấy những nỗ lực của cơ quan quản lý trong việc tuyên truyền phổ biến, nâng cao nhận thức của cộng đồng doanh nghiệp xuất khẩu trong việc tuân thủ các quy định của nước sở tại đã phát huy hiệu quả tích cực. Tuy nhiên, hiện Việt Nam vẫn đứng thứ 3 sau Trung Quốc và Hoa Kỳ trong số những nước có số vụ thực phẩm nhập khẩu vi phạm nhiều nhất vào Hàn Quốc.

Do đó, trong thời tới, doanh nghiệp xuất khẩu thực phẩm chế biến sang Hàn Quốc cần phối hợp chặt chẽ hơn nữa với các cơ quan chức năng của hai nước, với Thương vụ Việt Nam tại Hàn Quốc và đối tác Hàn Quốc để cập nhật các quy định liên quan, tránh ảnh hưởng tới hoạt động xuất khẩu cũng như hình ảnh sản phẩm Việt Nam đối với người tiêu dùng Hàn Quốc.

Các doanh nghiệp có thể tham khảo các quy định của Hàn Quốc về vệ sinh an toàn thực phẩm tại đường link: <https://www.mfds.go.kr/eng/index.do>

Một số vi phạm trong sản phẩm của Việt Nam như: Trong thành phần có hàm lượng gây hại vượt quá mức cho phép (aflatoxin, benz (a) pyrene, enrofloxacin, ciprofloxacin); Vi phạm tiêu chuẩn sử dụng chất bảo quản; Không đảm bảo điều kiện an toàn thực phẩm tại nơi chế biến; Phát hiện dị vật trong sản phẩm...

Theo quy định của Hàn Quốc (Luật đặc biệt về quản lý an toàn thực phẩm nhập khẩu), khi phát hiện sản phẩm thực phẩm nhập khẩu có chất gây hại thì cơ quan chức năng có quyền yêu cầu nhà nhập khẩu phải thu hồi, hủy toàn bộ lượng hàng đang phân phối. Trong vòng 01 tháng, nhà nhập khẩu phải trình phương án xử lý đối với thực phẩm nhập khẩu đã được xác định là không phù hợp/vi phạm.

Trường hợp nhà nhập khẩu muốn tiếp tục nhập khẩu các sản phẩm không phù hợp trong tương lai, cần thực hiện các biện pháp cần thiết như xác định nguyên nhân, yêu cầu nhà sản xuất của nước xuất khẩu cải thiện chất lượng sản phẩm. Ngoài ra, các lô hàng tiếp theo sẽ bị kiểm tra với tần suất nhiều hơn cho đến khi đạt tiêu chuẩn quy định.



THỊ TRƯỜNG NÔNG SẢN THẾ GIỚI

GIÁ NHIỀU MẶT NÔNG SẢN TRÊN THỊ TRƯỜNG THẾ GIỚI TIẾP TỤC XU HƯỚNG TĂNG

Giá các mặt hàng nông sản thế giới trong kỳ từ ngày 01/01 đến 18/01/2021 tiếp tục xu hướng tăng so với cuối tháng 12/2020, diễn biến cụ thể như sau:

Giá lúa mì kỳ hạn tháng 3/2021 trên sàn Chicago đã tăng lên mức cao nhất kể từ năm 2014 sau khi Nga - nhà cung cấp hàng đầu thế giới cho biết họ có kế hoạch tăng gấp đôi thuế xuất khẩu lúa mì, làm dấy lên lo ngại về khả năng cung ứng toàn cầu giảm. Theo đó, giá lúa mì kỳ hạn tháng 3/2021 tăng lên mức 675,5 UScent/bushel, tăng 7,4% so với cuối tháng 12/2020.

Giá ngô kỳ hạn tháng 3/2021 trên sàn Chicago cũng tăng mạnh 17% lên mức 531,5 UScent/bushel. Tương tự, đậu tương kỳ hạn tháng 3/2021 tăng 11,6% lên mức 1.417 UScent/bushel. Cả ngô và đậu tương đều đạt mức cao nhất trong những tháng gần đây sau khi Bộ Nông nghiệp Mỹ giảm dự báo về nguồn cung ngô và đậu tương.

Vụ thu hoạch lúa mì tại Mỹ đã kết thúc và nông dân cũng đang bước vào giai đoạn cuối đối với gieo trồng ngô và đậu tương. Về lúa mì, năng suất trung bình chỉ đạt 2,82 tấn/ha, thấp hơn 3% so với cùng kỳ năm ngoái. Bên cạnh đó, 7,2% diện tích gieo trồng cũng thiệt hại hoàn toàn do điều kiện thời tiết khô hạn kéo dài và sản lượng lúa mì ước tính đạt 17 triệu tấn, thấp hơn so với mức 18 triệu tấn trong niên vụ trước.

Giá đường thô trong phiên giao dịch ngày 18/01/2021 tăng 10,4% so với cuối tháng 12/2020, đạt 16,5 UScent/lb, sau khi đạt mức cao nhất trong hơn 3 năm (16,75 US cent/lb) trong những phiên trước đó, do hoạt động đẩy mạnh mua vào và lo ngại về nguồn cung thắt chặt.

Trên thị trường cà phê, giá cà phê Arabica kỳ hạn tháng 3/2021 trên sàn ICE tăng 1,7% so với cuối tháng 12/2020 lên 128,15 UScent/lb do được hỗ trợ bởi đồng Real của Braxin mạnh lên so với đồng USD và triển vọng vụ mùa giảm tại nước này. Trong khi đó, giá cà phê Robusta kỳ hạn tháng 3/2021 trên sàn London giảm 1,2%, xuống còn 1.353 USD/tấn. Thị trường cà phê Robusta chịu áp lực bởi nguồn cung tăng khi Việt Nam - nhà sản xuất cà phê Robusta lớn nhất thế giới đang trong vụ thu hoạch.



Đối với mặt hàng gạo, giá gạo của nước xuất khẩu gạo lớn nhất thế giới là Ấn Độ đã tăng lên mức cao nhất trong 4 tháng, trong khi đồng Baht mạnh đẩy giá gạo Thái Lan lên mức cao nhất trong 8 tháng.

Giá gạo đỏ 5% tấm của Ấn Độ trong kỳ từ ngày 01/01 đến 18/01/2021 tăng 3 USD/tấn so với cuối tháng 12/2020 lên mức 383 - 390 USD/tấn, mức cao nhất kể từ tháng 9/2020. Nguồn cung lúa vụ Hè tại nước này đang tăng nhưng giá lúa nội địa vẫn ở mức tốt do nhu cầu xuất khẩu cao khiến nước này đẩy mạnh thu mua lúa từ nông dân.

Tại Thái Lan, giá gạo trắng 5% tấm tăng từ 516 - 520 USD/tấn lên 520 - 525 USD/tấn do đồng Baht mạnh lên bất chấp việc nhu cầu chậm lại.

Trong khi đó, Chính phủ Bangladesh đã tổ chức đấu thầu mua 50.000 tấn gạo nhằm cải thiện kho dự trữ đã cạn kiệt giữa bối cảnh giá gạo nội địa tăng cao. Chính phủ Bangladesh đã tổ chức những phiên đấu thầu mua tổng cộng 460.000 tấn kể từ đợt đấu thầu mua đầu tiên sau 3 năm vào giữa tháng 11/2020, sau khi lũ lụt gây thiệt hại nặng nề cho mùa màng của nước này. Nhập khẩu gạo của Bangladesh có thể tăng mạnh lên 2 triệu tấn trong niên vụ 2020/21.

Trên thị trường cao su: Giá cao su RSS3 tại Nhật Bản đóng cửa phiên ngày 18/01/2021 tăng 6,5% so với cuối tháng 12/2020. Mặc dù biến thể virus Covid-19 mới đang gây ra những lo ngại về triển vọng tiêu thụ cao su thiên nhiên toàn cầu song các nhà nhập khẩu, đặc biệt là Trung Quốc vẫn tăng cường mua vào trước thời điểm cây cao su bước vào mùa thay lá và cho năng suất thấp (từ tháng 2 đến tháng 5 hàng năm).

Tham khảo giá một số mặt hàng nông sản thế giới ngày 18/01/2021

Hàng hóa	ĐVT	Ngày 18/1/2021	So với ngày 28/12/2020 (%)	So với đầu năm 2020 (%)
Ngô CBOT	UScent/bushel	531,5	17,0	37,2
Lúa mì CBOT	UScent/bushel	675,5	7,4	19,8
Lúa mạch	UScent/bushel	366,0	8,2	19,1
Đậu tương	UScent/bushel	1.417,0	11,6	50,0
Khô đậu tương	USD/tấn	463,2	10,7	52,5
Dầu đậu tương	UScent/bushel	41,9	2,1	22,0
Hạt cải	CAD/tấn	685,4	9,1	41,8
Ca cao	USD/tấn	2.527,00	-2,5	-2,4
Đường thô	UScent/lb	16,5	10,4	16,9
Nước cam	UScent/lb	121,9	0,1	25,5
Cà phê Robusta	USD/tấn	1.353,0	-1,2	5,1
Cà phê Arabica	UScent/lb	128,15	1,7	7,7
Gỗ xẻ	USD/1000 board feet	662,9	-15,4	59,3
Gạo đỏ 5% tấm Ấn Độ	USD/tấn	390,0	0,8	6,6
Gạo trắng 5% tấm Thái Lan	USD/tấn	525,0	1,0	20,7
Cao su Toccom	JPY/kg	162,8	6,5	-19,2

Nguồn: Trung tâm Thông tin Công nghiệp và Thương mại tổng hợp

NGA TĂNG NHẬP KHẨU NHIỀU MẶT HÀNG NÔNG, LÂM, THỦY SẢN CỦA VIỆT NAM

Nông sản trở thành một trong những mặt hàng "mũi nhọn" của Nga trong các dự án quốc gia về hợp tác quốc tế và xuất khẩu hàng hóa. Trong đó, Nga trở thành một trong những nhà cung cấp ngũ cốc lớn nhất cho thị trường thế giới. Sản lượng ngũ cốc của Nga trong 6 năm liên tiếp vượt mức 100 triệu tấn. Vụ mùa 2018/19, Nga xuất khẩu khoảng 43,3 triệu tấn ngũ cốc. Con số này của năm 2020 được dự đoán khoảng 43 triệu tấn, năm 2021 có thể vượt 47 triệu tấn, qua đó Nga có thể lập kỷ lục mới về xuất khẩu ngũ cốc...

Tuy vậy, hàng năm, Nga cũng nhập khẩu một lượng lớn hàng nông, lâm, thủy sản, trong đó, chủ yếu là trái cây, chiếm khoảng 24% tổng trị giá nhập khẩu, tiếp đến là sữa và các sản phẩm từ sữa, chiếm 13%.

Theo thống kê từ Cơ quan Hải quan Liên bang Nga, nhập khẩu hàng nông, lâm, thủy sản vào Nga trong 11 tháng năm 2020 đạt 20,343 tỷ USD, giảm 1,8% so với cùng kỳ năm 2019. Trong đó, Nga giảm nhập khẩu ở một số nhóm mặt hàng như sữa và các sản phẩm từ sữa, trứng chim và trứng gia cầm, mật ong tự nhiên giảm

2,7%; rau và một số loại củ, thân củ, rễ ăn được giảm 4,4%; cá và động vật giáp xác, động vật thân mềm và động vật thủy sinh không xương sống khác giảm 6,7%; đặc biệt, nhập khẩu thịt và phụ phẩm dạng thịt ăn được sau giết mổ giảm 23,9%; cao su thiên nhiên giảm 18,8%...

Tuy vậy, nhập khẩu một số nhóm mặt hàng thuộc nhóm hàng nông, lâm, thủy sản vào Nga vẫn tăng trong 11 tháng năm 2020 so với cùng kỳ năm 2019 như: Quả và quả hạch tăng 10,5%; hạt và quả có dầu tăng 5,7%; cà phê tăng 2,4%; ngũ cốc tăng 13,5%.

Một số mặt hàng nông, lâm, thủy sản nhập khẩu vào Nga trong 11 tháng năm 2020

Mặt hàng	Nhập khẩu của Nga từ thế giới (Đvt: triệu USD)		So sánh (%)	Thị phần hàng Việt Nam tại Nga (%)	
	11 tháng năm 2020	11 tháng năm 2019		11 tháng năm 2020	11 tháng năm 2019
	Tổng	20.343		20.711	-1,8
Quả và quả hạch ăn được; vỏ quả thuộc chi cam quýt hoặc các loại dứa	4.967	4.496	10,5	1,1	1,5
Hạt điều	178	188	-5,6	8,5	5,3
Sữa và các sản phẩm từ sữa; trứng chim và trứng gia cầm; mật ong tự nhiên...	2.645	2.719	-2,7		
Hạt và quả có dầu	1.648	1.559	5,7	0,01	0,02
Rau và một số loại củ, thân củ, rễ ăn được	1.572	1.644	-4,4	0,1	0,05
Cá và động vật giáp xác, động vật thân mềm và động vật thủy sinh không xương sống khác	1.487	1.595	-6,7	6,3	6,0
Thịt và phụ phẩm dạng thịt ăn được sau giết mổ	1.308	1.718	-23,9	0,0001	
Ca cao và các sản phẩm chế biến từ cacao	1.110	1.130	-1,8	0,0054	0,01
Cà phê, chè và các loại gia vị	1.081	1.059	2,0	15,9	17,5
Chè	1.208	1.218	-0,8	12,5	13,8
Cà phê	591	577	2,4	21,6	25,4
Hạt tiêu	21,7	23,1	-6,0	79,6	68,9
Sản phẩm chế biến từ rau, quả, hạt và các phần khác của cây	1.061	1.113	-4,6	2,9	2,0
Gỗ và các mặt hàng bằng gỗ; than củi	552	567	-2,6	0,3	0,2
Cây sống và các loại cây trồng khác; củ, rễ và các loại tương tự; cảnh hoa rời và các loại cảnh lá trang trí	470	512	-8,3	0,01	0,004
Các spcb từ thịt, cá, động vật giáp xác hay động vật thân mềm, hoặc động vật không xương sống dưới nước khác	463	471	-1,7	2,4	0,1
Thủy sản chế biến	617	641	-3,8	3,7	3,4
Cao su thiên nhiên	386	476	-18,8	2,7	3,2
Các sản phẩm chế biến ăn được khác	377	388	-2,7	11,4	9,7
Đồ nội thất bằng gỗ	356	375	-5,1	1,5	1,4
Ngũ cốc	282	249	13,5	1,5	3,8
Gạo	90,0	98,1	-8,2	4,6	9,8
Nhựa cánh kiến đỏ; gôm, nhựa cây, các chất nhựa và các chất chiết suất từ thực vật khác	199	212	-6,1	0,3	0,3
Động vật sống	195	246	-20,9		0,01
Các sản phẩm xay xát; malt; tinh bột; inulin; gluten lúa mì	102	111	-8,3	0,2	0,2
Các sản phẩm gốc động vật, chưa được chi tiết hoặc ghi ở các chương khác	71,8	65,4	9,8	0,1	
Nguyên liệu thực vật dùng để tết bện; các sản phẩm thực vật chưa được chi tiết hoặc ghi ở nơi khác	9,9	6,2	60,5	0,1	0,1

Nguồn: Cơ quan Hải quan Liên bang Nga

Nga nhập khẩu hàng nông, lâm, thủy sản từ khoảng 170 quốc gia và vùng lãnh thổ trên thế giới, trong đó, Nga nhập khẩu nhóm hàng này nhiều nhất từ thị trường Belarus, chiếm 17,8% tổng trị giá nhập khẩu, tiếp đến là Thổ Nhĩ Kỳ chiếm 6,1%, Trung Quốc chiếm 5,9%, Ecuador chiếm 5,7%, Braxin chiếm 5,5%... Việt Nam là nguồn cung hàng nông, lâm, thủy sản lớn thứ 13 vào Nga, chiếm 2,1% tổng trị giá nhập khẩu. Trong đó, Nga nhập khẩu chủ yếu chè, cà phê, hàng thủy sản, trái cây, hạt điều... từ Việt Nam.

Đáng chú ý, trong 11 tháng năm 2020, mặc dù ảnh hưởng của dịch Covid-19 nhưng nhập khẩu nhiều mặt hàng thuộc nhóm hàng nông, lâm, thủy sản từ Việt Nam vào Nga vẫn tăng mạnh so với cùng kỳ năm 2019 như: Hạt điều tăng 50,5%; sản phẩm chế biến từ rau, củ, quả, hạt tăng 38,6%; gỗ nguyên liệu tăng 78,4%; cây và hoa trang trí tăng 61,3%; đồ nội

thất sử dụng trong phòng bếp tăng 30%; đặc biệt, nhập khẩu các sản phẩm chế biến từ thịt, cá, động vật giáp xác hay động vật thân mềm, hoặc động vật không xương sống sống dưới nước khác tăng 1.534,9%...

Với thị trường tiêu dùng và bán lẻ rộng lớn, đa dạng hóa hàng nhập khẩu, Nga được đánh giá là thị trường đầy tiềm năng cho các mặt hàng nông, lâm, thủy sản của Việt Nam.

Trên thực tế, có rất nhiều mặt hàng nông, lâm, thủy sản của Việt Nam có thể đáp ứng đủ nhu cầu từ phía Nga để ra nhưng xuất khẩu còn nhiều trở ngại. Cụ thể, hàng Việt Nam vào Nga chịu mức thuế cao, vận tải đường dài nên mất lợi thế cạnh tranh, rào cản kỹ thuật quá chặt chẽ, khó khăn trong chuyển đổi đồng tiền. Bên cạnh đó, ngành chế biến nông sản sau thu hoạch của Việt Nam vẫn chưa theo kịp thế giới...



► Theo Vụ Thị trường châu Á, châu Phi - Bộ Công Thương, ngày 11/1/2021, Tổng cục Hải quan Trung Quốc tiếp tục cấp mã giao dịch cho phép 1 công ty và 1 nhà máy của Việt Nam được xuất khẩu sản phẩm sữa sang Trung Quốc, nâng lên thành 7 công ty, nhà máy được phép xuất khẩu sữa sang thị trường này. Cụ thể là Công ty Cổ phần thực phẩm dinh dưỡng Nutifood Bình Dương (Binh Duong Nutifood Nutrition Food Joint Stock Company) được phép xuất khẩu sản phẩm sữa tiệt trùng, sữa biến đổi và sữa lên men bổ sung hương vị sang thị trường Trung Quốc. Nhà máy sữa Trường Thọ (Truong Tho Dairy Factory, trực thuộc Công ty Cổ phần sữa Việt Nam - Vinamilk) được phép xuất khẩu sản phẩm sữa tiệt trùng, sữa biến đổi, sữa đặc có đường và các sản phẩm sữa đặc khác sang thị trường Trung Quốc. Việc liên tiếp có nhiều doanh nghiệp sữa của Việt Nam trong danh sách được xuất khẩu sữa sang thị trường Trung Quốc mang lại kỳ vọng tăng trưởng xuất khẩu sữa chính ngạch trong thời gian tới. Đây cũng là cơ hội cho ngành chăn nuôi bò sữa và sản xuất, chế biến sữa của Việt Nam phát triển.

► Theo số liệu của Cơ quan thống kê châu Âu (Eurostat), nhập khẩu trái bưởi của EU 27 trong 9 tháng đầu năm 2020 đạt 810.670 tấn, trị giá 732,6 triệu Eur (tương đương với 893,8 triệu USD), tăng 6,8% về lượng nhưng giảm 1,4% về trị giá so với cùng kỳ năm 2019. Giá nhập khẩu bình quân trái bưởi đạt 903,7 Eur/tấn, giảm 7,7% so với cùng kỳ năm 2019. Hàng rau quả trở thành một trong những mặt hàng nông sản được hưởng lợi ngay khi Hiệp định EVFTA có hiệu lực từ ngày 1/8/2020 với 94% trong tổng số 547 dòng thuế rau quả và các sản phẩm chế biến từ rau quả được xóa bỏ.

► Theo Cục Thú y - Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, trong năm 2020, Việt Nam có 6,24 triệu bò sữa, tương đương 372.500 tấn thịt, tăng 4,8% so với năm 2019. Nhờ các công nghệ mới và hỗ trợ từ phía Chính phủ, ngành đặt mục tiêu sản lượng thịt gia súc đạt 600.000 tấn, chủ yếu là thịt bò, vào năm 2030. Về nhập khẩu, Việt Nam đã nhập khẩu 517.905 con trâu, bò cho giết mổ (91,5% là bò sữa) trong 11 tháng năm 2020, trị giá hơn 556 triệu USD. Đối với phân khúc thịt mát, lượng nhập khẩu khá hạn chế. Hơn 1.546 tấn thịt mát được Việt Nam nhập khẩu từ 10 nước trong 11 tháng năm 2020, trị giá 15,7 triệu USD.

► Ngày 16/12/2020, Công ty TNHH Thế Thành Đạt tại tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu đã vận chuyển 2 tấn hàng, gồm 15 loại chocolate hữu cơ sang Nhật Bản. Đây là lần đầu tiên sản phẩm chocolate hữu cơ của tỉnh chính thức được xuất khẩu sang Nhật Bản. Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu là một trong những địa phương sản xuất cacao lớn nhất Việt Nam, với tổng diện tích khoảng 1.200 ha, phần lớn tập trung tại huyện Châu Đức, Xuyên Mộc và Tân Thành, nơi có điều kiện thổ nhưỡng và khí hậu thuận lợi.

► Lào đang tạm cấm nhập khẩu thủy sản từ Thái Lan sau khi đợt bùng phát Covid-19 gần đây tại Thái Lan. Các cơ quan y tế của Lào lo ngại thủy sản có thể mang theo mầm bệnh nên hoạt động nhập khẩu thủy sản từ Thái Lan sẽ bị tạm ngừng. Lệnh cấm này đã được thực thi từ ngày 24/12/2020 sau khi tỉnh Samut Sakhon của Thái Lan trở thành tâm dịch mới, với hơn 1.000 người dương tính với virus corona chỉ sau 1 ngày phát hiện một nhà bán buôn tôm nhiễm loại virus này.